

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG**QUYỂN 19****TỊNH PHÁP TỰ TRONG QUẢ PHÁP**

- Quyển này có chín môn:

- 1- Nghĩa tịnh độ
- 2- Nghĩa ba Phật.
- 3- Nghĩa ba Trí .
- 4- Nghĩa ba bất hộ.
- 5- Nghĩa ba niệm xứ
- 6- Nghĩa tất cả hạt giống thanh tịnh.
- 7- Nghĩa hai trí.
- 8- Nghĩa bốn trí.
- 9- Nghĩa bốn Vô Úy.

1. NGHĨA TỊNH ĐỘ. Có sáu môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Nói về nhân.
- 4- Y cứ thân nói về cõi.
- 5- Phạm Thánh có không.
- 6- Thể chất có đồng có khác.

1. Giải thích tên gọi :

Tịnh độ, trong kinh có khi gọi là Phật Sác hoặc gọi Phật quốc, Phật giới, Phật độ, hoặc còn nói là Tịnh Sác, Tịnh giới, Tịnh quốc, Tịnh độ. Sác là tiếng Thiên Trúc, Hán không dịch, đó là tên khác của chữ xứ, đứng về chữ Phật để nói nơi chốn, nên gọi là Phật Sác. Phật thế giới: thế là cảnh giới cõi nước thế gian, chỗ có nhiều chúng sinh gọi là khí thế gian; giới là cõi giới riêng chỗ Phật cư trú, khác với những người khác nên gọi là cõi giới riêng biệt. Lại nữa, Phật tùy việc hóa độ mà mỗi nơi ở đều khác, cũng gọi là cõi giới riêng biệt, đứng về Phật mà phân biệt

cõi giới gọi là Phật thế giới. Phật quốc là, chỗ để thâu nhiếp người gọi là quốc, đứng về Phật để nói về cõi nước nên gọi là Phật quốc. Phật độ là, chỗ để an thân gọi là độ, đứng về Phật để nói về Độ (cõi) gọi là Phật độ. Nếu nói về quốc, có vua cai trị mới có, không có vua thì không. Độ (cõi nước) thì không phải như vậy, có thân người đều có cõi nước. Sắc và Giới, nghĩa của chúng giống nhau. Các cõi nước này đều không uestap nên đều gọi là Tịnh, Tịnh Sắc, tánh hải, liên hoa, Tu di, những danh như thế rộng hẹp gọi riêng.

Hỏi: Cõi nước chúng sinh cũng có, sao chỉ gọi là Phật cõi nước?

ĐÁP: Vì nay nói về Phật độ không nói những thứ khác, lại vì Phật đứng đầu nên gọi là Phật độ.

2. Nói về tướng:

Để nói về Phật độ và nói các nghĩa còn lại, nên chia làm ba:

- 1- Sự tịnh độ.
- 2- Tướng tịnh độ.
- 3- Chân tịnh độ.

1. Sự tịnh độ. Chia làm ba môn:

- a- Nói về tướng chung.
- a- Hiện rõ chỗ khác nhau.
- c- Định tướng theo bốn Đế.

a. Tướng chung: Nói là sự tịnh độ, là chỗ ở của phàm phu. Phàm phu do nghiệp thanh tịnh hữu lậu mà được cảnh giới thanh tịnh, có các báu trang nghiêm, trang hoàng sự tướng đẹp đẽ gọi là sự tịnh độ. Nhưng sự tịnh độ này, lúc tu nhân, tình có hạn cuộc riêng, nên khi thọ báo cõi nước có phần hạn, ranh giới mỗi khác. Lại khi tu có giữ tướng chấp định, nên khi thọ báo các tướng cõi nước trang nghiêm mỗi mỗi đều định.

b. Hiện rõ sự khác nhau: Sự tịnh độ có hai:

Cõi nước do phàm phu khi mong cầu có tịnh nghiệp cảm nhận được. Như cõi trời v.v..., vì từ người cầu mong có nghiệp thiện nên khi thọ dụng lại sinh kiết nghiệp phiền não trong ba cõi, không sinh đạo xuất thế. Nếu sinh đạo xuất thế là do năng lực giáo hóa của bạn lành riêng nên mới khởi lên được, chẳng phải do năng lực của cảnh giới cảm thọ.

Cõi nước của phàm phu có gốc lành xuất thế mong cầu, như cõi nước An Lạc, nước Chúng Hương v.v... Vì do từ gốc lành xuất thế mà được cõi nước nên khi thọ dụng sẽ sinh ra đạo xuất thế, như cơm của nước Chúng Hương, ai ăn cơm này đều dứt phiền não mà sinh đạo lực v.v...

Hỏi: Cảnh giới của các vị trời một bề là chỗ của người thiện nghiệp lành cầu sinh, hay cũng có người có nghiệp lành xuất thế được sinh?

Đáp: Về lý thì cả hai đều có, nên trong kinh Niết-bàn khi Phật nói về nghĩa “ngã”, có vô lượng chim thú nghe xong phát tâm sinh về cõi trời. Nên biết cũng có gốc lành xuất thế vãng sinh, vì ít nên không nói.

c. Nói về tướng theo bốn Đế:

Trong hai tịnh độ trên, nhân của tịnh độ thứ nhất chỉ là Tập đế vì là nhân phân đoạn (đoạn là giai đoạn), quả của nó thể là khổ đế vì là quả phân đoạn. Nhân của tịnh độ thứ hai có hai công năng: công năng chánh là chiêu cảm quả Phật, công năng phụ là sinh về tịnh độ. Chiêu cảm quả Phật chắc chắn không phải là Tập đế vì sinh ra đức của Phật mà không nhóm họp quả sinh tử các cõi. Bên cạnh đó được sinh về tịnh độ, nhân cũng là tập đế và phi tập đế, nói là phi tập đế vì so với nhân của tịnh độ thứ nhất, thì nhân này là gốc lành cầu xuất cho nên thuộc về tướng tự đạo đế. Nói về phần thật của nó thì thể tánh là tập vì nó chiêu cảm quả hữu vi sinh diệt. Quả của tịnh độ sau, so với cái trước thì nó là không phải khổ đế, vì tướng tự quả xuất thế. Đại luận nói: “Cõi Vô Lượng Thọ không thuộc ba cõi, vì ở cõi ấy không có tham dục nên chẳng phải Cõi Dục, vì ở tại mặt đất nên không gọi là cõi Sắc, vì có hình sắc nên chẳng phải cõi Vô Sắc”, do tướng tự quả của đạo đế, thuộc về đạo nên không gọi là khổ, giống như tịnh độ của Phật nên thuộc về đạo Bồ-đề. Nói về phần thật của nó thì thể là khổ đế, vì là quả sinh diệt, vì là chỗ nương của báo thân hữu lậu.

2. Tướng tịnh độ: Cũng chia làm ba môn:

- a- Nói về tướng chung.
- b- Hiển rõ sự khác nhau.
- c- Nói về tướng theo bốn Đế.

a. Tướng chung: Nói là tướng tịnh, đó là cõi nước của các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Như Ngài Long Thọ nói: “Có tịnh độ nhiệm mầu vượt qua ba cõi, bậc A-la-hán sinh về cõi ấy v.v...” Các bậc hiền Thánh này, tu tập duyên quán đối trị, được cảnh giới vô lậu tướng màu trang nghiêm lìa cấu thanh tịnh. Cõi tuy thanh tịnh, tâm vọng tưởng khởi như việc thấy trong mộng, luống dối không thật. Trong tướng lìa cấu nên gọi là tịnh tướng. Tướng tịnh độ này khi tu nhân, tính không cuộc hạn phân biệt, khi thọ báo cõi không hạn chế phương vực. Lại khi tu này tâm không định chấp, cảnh giới cảm nhận tùy tâm xoay chuyển cũng như huyễn hóa không có phương vực nhất định.

b. Hiển rõ sự khác nhau. Tướng tịnh độ, chia riêng làm hai:

- Phân biệt theo hạnh.
- Phân biệt theo tâm.
- *Phân biệt theo hạnh*. Có hai:

Cảnh giới sở đắc do gốc lành tự lợi của Thanh văn, Duyên giác.
Cảnh giới này vắng lặng không có hình tướng như cõi Vô Sắc,

Hỏi: Vô Sắc làm sao có chỗ nơi?

Đáp: Bốn không chỉ không có sắc thô, chẳng phải không có sắc tế, nên có chỗ nơi.

Kinh nói: Mũi của Bồ-tát ngửi được mùi của cung điện Vô Sắc. Như Ngài Long Thọ nói: “Có tịnh độ nhiệm mầu vượt qua ba cõi, bậc La-hán sinh trong ấy nghe kinh Pháp Hoa”, tức là việc này. Do từ thiện căn tự hạnh mà sinh nên khi thọ dụng chỉ sinh thiện căn chán lìa tự hạnh, không thể tự nhiên khởi hạnh từ bi lợi tha. Dù cho có khởi lên cũng do năng lực giáo hóa của Phật Bồ-tát, chẳng phải do năng lực thọ nhận của cảnh giới.

Cảnh giới sở đắc do thiện căn hóa tha của Bồ-tát, không bỏ chúng sinh tùy vật thọ đó. Như thất của Duy-ma do từ thiện căn hóa tha mà sinh. Khi thọ dụng tự nhiên sẽ khởi hạnh lành lợi tha.

- *Phân biệt theo tâm có hai:*

Tịnh độ do duyên quán vô lậu trong sự thức cảm được.

Tịnh độ do duyên quán vô lậu trong vọng thức cảm được.

Sự thức vô lậu có hai thứ:

Tịnh độ do tăng tướng quán sở đắc, tiếp tục giữ gìn đến khi chứng thật mới xả.

Tịnh độ do tức tướng quán sở đắc, tạm hiện như huyễn.

Vọng thức vô lậu cũng có hai thứ:

Tịnh độ do tăng tướng quán sở đắc, tiếp tục giữ gìn đến khi chứng thật mới xả.

Tịnh độ do tức tướng quán, tạm hiện liền diệt.

c. Nói về tướng theo bốn Đế:

Nhân của tướng tịnh độ, so sánh với trước chẳng phải tập đế vì thuộc về đạo đế. Đương phần của nó là tập vì là nhân đối khác.

Quả của tướng tịnh độ, so với trước không phải khổ đế vì thuộc về đạo quả. Như tịnh độ của Phật thuộc về đạo Bồ-tát. Nói về đương phần thể tánh là khổ vì là quả đối khác.

3. Chân tịnh độ, chia làm bốn môn:

a- Nói về tướng chung.

b- Hiện rõ khác nhau.

c- Nói về tướng theo bốn Đế.

d- Nói rộng theo nghĩa.

a. Tướng chung: Nói là chân tịnh độ, là cõi Sơ địa trở lên cho đến chư Phật. Cõi nước do gốc lành sở đắc của chư Phật, Bồ-tát, thật tánh duyên khởi diệu tịnh lìa nhiễm ô, thường bất biến nên nói là chân tịnh. Chân tịnh độ này nhân vô duyên niệm, tướng trạng cõi không, như hạt ngọc quý trên đỉnh của ma trời Phạm Thiên thể tuy thật có mà không có tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng như giới pháp vô tác của Tỳ-kheo thể tuy là sắc mà chẳng có một tướng. Có mà vô tướng là sự mâu nhiệm của tịnh độ này. Lại cõi chân này nhân không có định chấp, cõi không nơi chốn nhất định, nhân không phân biệt, “cõi” không chia ra kia đây, tự tha.

b. Hiện rõ khác nhau: Trong đây chia làm ba môn:

- Phân biệt Đối vọng, chân hạnh có hai:

Lìa vọng chân: nghĩa là chân độ sở đắc do các Bồ-tát thành tựu chân hạnh, lìa bỏ được vọng. Chân độ này lại hợp với vọng như hư không ở chỗ sương mù. Trong môn này cõi nước tùy địa vị mà phân biệt giai cấp khác nhau, tùy theo các địa vị mỗi phần dần dần tăng. Cõi vọng dần diệt, cõi chân dần tăng, như sương mù tiêu dần, hư không hiện dần.

Thuần tịnh chân: Là cõi nước của chư Phật, thuần chân, không xen lẫn như hư không thanh tịnh. Cõi tuy thanh tịnh mà hợp với nhiễm.

- Phân biệt theo hạnh, hạnh quan trọng có hai: Trí và bi. Trí nương không mà thành dùng trí nhiếp hạnh, hạnh đều lìa tướng. Cõi nước cảm nhận đồng với nhân kia, vắng lặng lìa tướng cũng như hư không. Bi tùy cõi giới mà sinh dùng bi nhiếp hạnh, hạnh đều vì chúng sinh. Cõi nước cảm được đồng với nhân kia, tùy vật mà hiện cũng như hạt ngọc thanh tịnh không sắc nào không hiện. Địa kinh nói: “Tuy biết cõi nước của chư Phật như hư không, mà quán cõi hạnh vô lượng trang nghiêm”

- Phân biệt theo pháp, trong Như Lai Tạng chân thật kia, có hai pháp môn:

+ Môn Tịch diệt, nương vào đó được cõi nước đồng với pháp ấy mà vắng lặng lìa tướng.

+ Môn Duyên khởi tác dụng pháp, nương vào đó khởi lên cõi nước không chỗ nào chẳng hiện, như hạt ngọc như ý theo sự mong cầu của tâm đều hiện khắp.

c. Nói theo bốn Đế: trong môn này nhân của tịnh độ hoặc là đạo đế hoặc là diệt đế. Hạnh nhân thể khởi lên là thuộc về đạo đế, do năng

lực pháp mà khởi là thuộc về diệt đế. Quả cũng như thế, hoặc Bồ-đề là thuộc về đạo quả, hoặc Niết-bàn vì gồm nhiếp diệt quả, tương tự Pháp thân Phật.

d. Theo nghĩa nói rộng: trong đây khai hợp rộng hẹp không nhất định.

Hoặc bao gồm chỉ thành một cõi Phật.

Hoặc chia làm hai, chỉ có chân độ và sở Sác độ tự ứng. Tùy chỗ hóa độ hiện ra cõi khác gọi là ứng độ (cõi ứng hóa).

Chân độ ở đây là cõi Pháp thân bình đẳng, vắng lặng lia tướng đầy đủ các nghĩa không có hình tướng cố định và ở khắp mọi nơi. Còn các pháp âm dương ngũ hành để dụ cho pháp tương tự thay đổi theo thời. Cõi như thế, các tướng trang nghiêm không thể chấp giữ, tuy không có hình trạng riêng nhưng chẳng thể gọi là không có cõi nước, tuy vắng lặng mà có tánh duyên khởi tác dụng, muôn vật nương theo đó sinh khởi, dựa vào đó mà ứng hóa, ngoài ra còn có các pháp âm dương ngũ hành tạo ra tất cả sắc tướng thế gian.

Ứng độ tùy theo tình có khác, thị hiện có cuộc hạn riêng, nhiệm tịnh phân ra hình thù, các tướng thiện ác trang nghiêm mỗi việc đều khác.

Hoặc chia làm ba:

- 1- Pháp tánh độ.
- 2- Thật báo độ.
- 3- Viên ứng độ.

1- Pháp tánh độ: Bản tánh của cõi nước các nghĩa đồng thể rộng rang vô ngại, cũng như lưới trời Đế-thích, cũng như hư không vô ngại chẳng động, vô sở hữu v.v... Nghĩa đồng thể, theo Địa Kinh là nghĩa chân thật. Tất cả thế giới bốn tánh thường như thế, nhưng các chúng sinh vọng tưởng che tâm tự thành trở ngại, trong pháp vô ngại thấy là định ngại, chỗ có nhất định có, chỗ không nhất định không, chỗ nhiệm nhất định nhiệm, chỗ tịnh nhất định tịnh, chỗ có đất nhất định là đất, chỗ nước nhất định là nước. Tất cả như thế sau khi dứt vọng tưởng thì thật tánh của cõi ấy hiển hiện thành dụng của ta, gọi là Pháp tánh độ (cõi pháp tánh).

2- Thật báo độ: Khi Bồ-tát hiển bày pháp tánh độ, rộng tu vô tận hạnh nghiệp trong pháp giới. Do năng lực khuyến phát của tịnh nghiệp này nơi vô biên pháp giới thanh tịnh khởi lên vô lượng việc trang nghiêm khác thường, gọi là Thật báo độ. Thật báo độ này có chia ra ba nghĩa giống như báo thân. Một y pháp thuyết, giống như pháp tánh, các tướng

trang nghiêm dụng thông vô ngại như mười tướng của biển, mỗi tướng đều sung mãn.

3- *Viên ứng độ*: Hai chân độ trên như hạt ngọc trong trỏ, tùy theo chúng sinh hiện các màu sắc khác nhau, dụng không kém thiếu, gọi là viên ứng.

Hoặc chia làm bảy. Như Địa kinh nói:

- 1- Đồng Thể tịnh.
- 2- Tự Tại tịnh.
- 3- Trang Nghiêm tịnh.
- 4- Thọ Dụng tịnh.
- 5- Trụ Xứ chúng sinh tịnh.
- 6- Nhân tịnh.
- 7- Quả tịnh.

Bốn cõi đầu, nói về thể tướng của cõi nước tịnh độ, cõi thứ năm y theo người mà hiển bày sự cao quý, hai cõi sau cùng nêu nhân bày quả. Lại trong bốn cõi đầu, hai cõi một và hai nói về thể của cõi nước, cõi thứ ba nói về tướng của cõi nước, cõi thứ tư là dụng của cõi nước. Cõi thứ nhất nói về thể của cõi nước không khác. Cõi thứ hai nói lên thể của cõi nước thanh tịnh.

- Đồng thể tịnh: Sự tướng cách ngăn gọi là Không tịnh, đồng thể dụng thông gọi là Tịnh. Thế nào là đồng thể? Chia ra làm ba:

Phân biệt gốc ngọn, pháp tánh độ là gốc, báo ứng là ngọn. Tất cả cõi báo ứng đều có pháp tánh làm thể nên gọi là Đồng thể.

Phân biệt về chân ứng, tất cả ứng độ dùng chân làm thể, nên gọi là đồng thể.

Các cõi nước trong ứng độ đồng thể chẳng khác nên gọi là đồng thể. Như trong cõi Ta-bà, ruộng đất, các quốc gia, khác loại chúng sinh, đối với cõi này có nhiều cái thấy khác, như Loa Kế Phạm Vương thì thấy là châu báu trang nghiêm v.v...

Chỗ thấy về các cõi khác đều dùng thế giới Ta-bà làm thể, tất cả đều như cho nên gọi là đồng thể. Nên kinh nói: Tất cả cõi Phật tức là một cõi Phật, một tức tất cả.

- Tự tại tịnh: Nói về nghĩa tịnh có hai thứ:

+ Tướng tịnh: Các châu báu trang sức thanh tịnh nghiêm trang mỹ lệ như cõi An Lạc, cõi Chúng Hương v.v...

+ Tự tại tịnh: Như hạt ngọc trong sáng xấu đẹp đều hiện, chỗ hiện không ngại nên nói là tự tại. Vì cõi nước thể tịnh nên được sự tự tại vô ngại như thế. Nên dụng bày thể gọi là tự tại tịnh. Nay theo chỗ trình bày

này thì nghĩa tự tại đứng về cái thứ hai. Địa kinh nói: Tất cả cõi nước bình đẳng thanh tịnh. Tướng tịnh của cõi nước mà còn có kia uế đây tịnh thì không gọi là bình đẳng. Tự tại tịnh thì nhiễm tịnh viên thông pháp giới bình đẳng, nên gọi là bình đẳng.

Hai cõi này là thể của cõi nước.

- Trang nghiêm tịnh: Nói về tướng của cõi nước có ba loại:

Nhân trang nghiêm: các chúng sinh thắng thiện ở trong ấy, cõi nước gọi là Tịnh. Sau nói về Năm trụ xứ chúng sinh tịnh tức là nghĩa này.

Pháp trang nghiêm: Đây đủ Phật pháp, cõi ấy gọi là Tịnh. Địa luận nói: Người và các pháp trang nghiêm.

Sự trang nghiêm: Năm dục kỳ diệu.

Trong ba loại này, Địa kinh nói riêng về Sự Trang Nghiêm, tức là Trang Nghiêm tịnh, trong đây có ba:

Thần thông trang nghiêm, tất cả cảnh giới biến hiện vô ngại.

Quang minh trang nghiêm, thường có ánh sáng diệt trừ tối tăm.

Tướng trang nghiêm, các báu trang sức.

Địa Kinh nói: “Thần thông trang nghiêm ánh sáng đầy đủ”.

- Thọ dụng tịnh: Dụng của cõi nước. Cảnh giới tịnh độ khi thọ dụng có công năng dứt trừ phiền não làm phát sinh đạo.

Bốn thứ này nói về thể tướng của cõi nước.

- Trụ xứ chúng sinh tịnh: Nướng vào người để hiển thắng, chúng sinh có vô lượng công đức trí tuệ đều ở đây trong đó, nên cõi nước tốt đẹp. Lại do người lành cư trụ trong ấy nên cõi nước thanh tịnh.

- Nhân tịnh: Nêu nhân bày quả, nhân có hai thứ:

Hạnh nghiệp Tịnh độ, như bố thí trì giới v.v...

Đức nghiệp Tịnh độ, là pháp môn Tam-muội tịnh độ, vì đặc pháp môn này tất cả cảnh giới theo tâm xoay chuyển, như Kim cang tạng nhập Tam-muội Phật quốc thể tánh v.v... Địa Kinh y cứ vào cái thứ hai này nên nói: “Vào cõi nước Phật thượng diệu, cảnh giới bình đẳng, gọi là nhân tịnh”. Pháp môn tịnh độ của chư Phật gọi là cảnh giới mẫu nhiệm bình đẳng, Bồ-tát chứng nhập sẽ có sự hiển hiện khác thường, nên gọi là nhân tịnh.

- Quả tịnh: Đối với nhân mà nói về quả, có hai:

Quả tịnh về Tướng: Bồ-tát rộng tu hạnh nghiệp tịnh độ, được tịnh độ tốt đẹp, các tướng trang nghiêm thuần tịnh không có uế.

Quả về tịnh Tự tại: Y cứ vào tịnh độ Tam-muội đức nghiệp ở trước, các thứ hiện khác nhau. Địa Kinh nói về nghĩa, y cứ vào cái thứ

hai này, nên nói: “Tùy theo sự ưa thích của các chúng sinh, vì họ thì hiện gọi là quả tịnh”.

Nói rộng về các tịnh độ cũng sẽ có vô lượng.

3. Nói về nhân Tịnh độ:

Đứng về ba tịnh độ để nói về nhân. Trước theo hai cõi pháp, và báo để nói về nhân, sau nói về ứng độ.

Hai cõi Pháp và Báo, nhân tướng ra sao? Nói thì phân theo tướng, pháp tánh từ vô thủy là nhân của pháp độ, các hạnh sáu độ là nhân của báo độ. Xếp theo tướng thì hai cõi pháp báo đều dùng pháp tánh từ vô thủy và các hạnh sáu độ làm nhân. Trong đây phân biệt theo nghĩa có duyên nhân, có chánh nhân. Duyên nhân và chánh nhân đối tượng có hai môn:

- *Nói về tướng riêng:* Cõi pháp tánh thì pháp tánh vô thủy làm chánh nhân, các hạnh sáu độ làm duyên nhân. Cõi thật báo thì các hạnh sáu độ làm chánh nhân vì thân sinh, pháp tánh là duyên nhân.

- *Nói về tướng chung:* Cả hai cõi đều dùng pháp tánh vô thủy làm chánh nhân, tuy có pháp tánh làm chánh nhân nhưng chia riêng mỗi nhân. Nhân của pháp độ vốn có pháp thể, về sau khi hiển bày cõi nước thể không thêm bớt, chỉ do ẩn hiển mà khác thôi. Nhân của báo độ vốn không có pháp thể, chỉ đối với nhân của pháp độ từ xưa đến nay hễ có duyên khởi thì sinh, như vàng trong quặng có đủ nghĩa làm nên đồ trang sức, gặp duyên thì làm, chẳng phải trước có sẵn pháp thể trong ấy.

Cả hai cõi đều dùng hạnh nghiệp sáu độ làm duyên nhân, nhưng trong đó chia tích kỹ thì nghĩa cũng khác. Hạnh sáu độ có nghĩa năng sinh, nói là duyên của báo độ, như đất nước v.v... sinh ra các vật. Hạnh độ có nghiệp năng liễu, gọi là duyên của pháp độ.

Kế đây nói về cõi ứng hóa nhân của cõi này không nhất định là có là không. Nhiếp dụng theo thể thì chẳng có nhân khác, cũng như người ta nhân hình có bóng, bóng không phải vật khác, do nghiệp thấy cõi nước có khác chẳng phải do ta tạo tác. Nếu phân ra dụng khác với thể thì cũng nói có nhân vì đó là quả, nhân có hai loại:

- Nhân cùng loại: Dùng hạnh ứng hóa mà làm nhân cho ứng độ. Chư Phật thành Phật đã lâu ứng hiện tu các hạnh trang nghiêm cõi nước, như cõi nước của Phật Di-đà hiện tướng bốn mươi tám nguyện lớn và các sở hành để trang nghiêm thế giới phương Tây.

- Nhân khác loại: Thật hành chân pháp để làm nhân cho ứng độ.

Trong ứng độ (cõi ứng hóa) chia ra hai nghĩa:

* Pháp ứng: Do năng lực của pháp môn Tịnh độ Tam-muội, hiện các cõi nước.

* Báo ứng: Nhờ nhân duyên nguyện lực Đại bi xưa kia hiện các cõi nước.

Trong hai nghĩa riêng này, phân biệt như sau: Cõi pháp ứng dùng pháp môn tịnh độ trong Như Lai Tạng làm nhân. Cõi báo ứng dùng nguyện lực đại bi làm nhân, bi nguyện là chính nhiếp chung các hạnh đều là nhân cả. Phân ra về tướng thì như thế, nhiếp mọi tướng mà nói thì hai ứng độ đều dùng pháp môn bi nguyện làm nhân, trong đó chia ra duyên nhân và chánh nhân không nhất định. Nếu nói về Pháp Ứng thì dùng pháp môn tịnh độ làm chánh nhân, nguyện đại bi v.v... làm duyên nhân. Nếu không có bi nguyện, pháp môn ấy không thể riêng một mình sinh ứng độ, cũng như hỏa châu tuy có thể phát ra lửa nhưng cần phải có mặt trời, thủy châu tuy phát ra nước cần phải có mặt trăng. Nên kinh nói: “Vì có dị pháp nên dị pháp xuất sinh, vì không có dị pháp nên dị pháp diệt hoại”.

Về Báo Ứng độ, dùng nguyện đại bi v.v... làm chánh nhân, pháp môn tịnh độ làm duyên nhân. Nếu không pháp ấy, dù có bi nguyện thì ứng độ cũng không thể sinh, thí như âm thanh tuy có thể phát ra tiếng vang mà cần có hang động, mặt sinh hình tượng cần nương vào gương.

Hỏi: Cõi ứng hóa từ năng lực của bi nguyện và pháp môn thật mà khởi, sao không gọi là Chân mà chỉ gọi là Ứng?

Đáp: Nguyện lực Đại bi và các hạnh v.v... chính là được chân độ, do năng lực của duyên tăng thượng gồm sinh ứng độ. Vì không phải chánh khởi nên không gọi là chân, năng lực của duyên sinh kèm khiến người nghe thấy nên gọi là ứng.

4. Theo thân nói cõi:

Trong đây có ba phần:

Thân và cõi cùng nương gốc ngọn

Thân và cõi cùng nương rộng hẹp

Thân và cõi cùng nương chung riêng.

Nói theo tướng, thì thân báo nương vào cõi. Luận tột cùng chỗ thật thì cõi nước nương vào thân. Hoa Nghiêm nói: “Các thứ trang nghiêm như hoa báu, mây thơm đều từ trong Pháp thân Như Lai mà lưu xuất”. Kinh này cũng nói: “Kiếp số ba đời và các cõi nước Phật, nơi một thân pháp đều hiện tất cả”. Đây tức là chỗ cõi nước nương vào thân. Cõi Phật đã như thế, cõi phàm cũng như vậy. Nói theo tướng thì thân báo

nướng vào cõi, luận tội lỗi thật thì cũng là cõi nước nướng vào thân. Nên kinh nói: “Nói ba cõi luống dối chỉ nhất tâm tạo”.

Nói về rộng hẹp, nghĩa này không nhất định, chia ra làm bốn:

Cõi rộng thân hẹp như thường thấy, vì thân là quả báo riêng tự mình nên hạn cuộc nhỏ hẹp, cõi nước là quả báo chung, người mình đồng nướng nên rộng.

Thân rộng cõi hẹp như trong kinh nói, có cõi nước Phật ở trong đầu lỗ chân lông của Phật, Bồ-tát, hoặc ở trong nếp áo của Bồ-tát, hoặc ở trong mũ đội đầu của Bồ-tát v.v...

Thân và cõi đều rộng, nói theo chỗ thật thân như hư không, cõi cũng như thế.

Thân và cõi đều hẹp, tùy sự hóa độ chúng sinh hoặc hiện thân nhỏ, hoặc ở cõi Phương tiện.

Thân và cõi cùng nướng chung riêng: Nói về tướng chung, ba thân một thân, ba cõi một cõi. Thân một Phật nướng một cõi Phật. Theo nghĩa chia riêng, ba thân nướng ba cõi riêng. Thân pháp tánh nướng cõi pháp tánh, thân thật báo nướng cõi thật báo, thân ứng hóa nướng cõi ứng hóa.

Hỏi: Pháp thân và cõi pháp tánh có gì khác nhau gì mà nói cùng nướng?

Đáp: Thân và cõi, tánh tuy không riêng biệt nhưng y theo tướng mà chia khác nhau, nên có chỗ cùng nướng. Thật tánh của thân gọi là thân pháp tánh, thật tánh của cõi gọi là cõi pháp tánh. Đây cũng là thể đồng nghĩa khác cùng nướng, như mười tướng của biển thể cùng nướng nhau.

Hỏi: Ứng thân nướng vào ứng độ, ứng thân nướng kia ban đầu hiện phàm, sau thì hiện Thánh. Cõi bị nướng sao không giống như như thế, ban đầu uest sau tịnh, nhưng trước sau chỉ có một.

Đáp: Vì hóa hiện khác nhau, hoặc cõi tùy theo thân. Như trước khi Phật Di-đà thành Phật thì cõi như xấu, thành Phật rồi thì cõi nước nghiêm tịnh, vì chỗ cư trú hiện tại của Ngài cảnh không nhất định. Tất cả như thế hoặc thân tùy theo cõi, như Đức Thích-ca tuy thành Phật đã lâu, nhưng trong vô lượng đời quá khứ thân ở cõi uest, thị hiện làm phàm tục, không thủ chánh giác. Như thế tất cả hoặc thân khác với cõi, như nay đức Thích-ca thân ở cõi uest mà hiện thành Phật, hiện cõi là báo, báo nhất định khó đổi nên, trước sau thường uest. Như sắc thân Phật vì hiện là báo thân trước sau thường nhất định công đức trí hạnh. Cõi phương tiện chẳng phải là báo nên sau đó chuyển đổi, ban đầu hiện phàm, sau chuyển thành Thánh.

Thân và cõi phân biệt đối nhau như thế.

5. Nói về nghĩa phàm thánh có không:

Từ trước, chỗ giải thích của các nhà đều khác. Như Đạo Sinh nói, Phật không có sắc thân cũng không có tịnh độ, chỉ vì giáo hóa nên ứng hiện trụ trong cõi nước của chúng sinh. Nói như thế là chúng sinh có cõi nước còn chư Phật thì không.

Ngài La-thập nói khác hơn, chư Phật có cõi nước còn chúng sinh hoàn toàn không, chỉ vì Phật tùy hóa hiện nên cõi khác nhau, nên trong Duy-ma chú giải nói: “Vì hóa độ chúng sinh nên hiện cõi này là bất tịnh”.

Có người lại nói, Phật và chúng sinh mỗi cõi riêng biệt, vì mỗi mỗi riêng trụ nơi nghiệp quả của mình.

Các thuyết như thế có nghĩa gồm thông, không thể xếp vào một bên. Nghĩa này chia ra làm ba:

Y theo tánh xếp vào thật: Chúng sinh có cõi nước, chư Phật không cõi nước, vì tùy theo hóa hiện nên ở cõi chúng sinh. Kinh nói: “Bồ-tát Phổ Hiền nương nơi như như, không nương cõi Phật. Phổ Hiền đã như thế, chư Phật cũng vậy”. Nghĩa của Đạo Sinh tương đương chỗ này.

Y theo thật xếp vào tướng: chư Phật có cõi nước, chúng sinh không có cõi nước. Nơi một cõi Phật, tùy theo hạnh nghiệp kia mà có các thứ thấy biết khác nhau. Như một thân Phật mà chúng sinh thấy khác. Kinh nói: “Cõi Phật thanh tịnh như hạt ngọc Ma-ni, tùy các chúng sinh hiện các thứ khác nhau”. Kinh Duy-ma cũng nói: “Cõi nước của ta thường thanh tịnh, như thế vì muốn độ người thấp kém nên thị hiện cõi nước bất tịnh nhiều điều xấu ác”. Chỗ giải thích của ngài La-thập tương đương nghĩa này.

Kinh nói đã như vậy, lập nghĩa của ngài Đạo Sinh thì Phật không có sắc thân và không có tịnh độ là không đúng. Phật không có sắc thân, như trước trong Kinh Niết-bàn đã phá. Thân đã chẳng không, cõi chẳng lẽ không có. Lại trong kinh nói, Bồ-tát tu tập tất cả hạnh để làm nhân tịnh độ. Kinh nói có nhân, vì sao không quả? Có người chống chế rằng: “Chẳng phải hoàn toàn không có cõi, mà, chỉ là ứng hóa chứ chẳng phải chân”. Nếu quả tịnh độ chỉ là ứng hóa không phải chân, thì như Duy-ma nói, tất cả chúng hạnh là nhân tịnh độ, là đúng nên tu. Nhân tu đã thật, quả chẳng lẽ không chân? Nếu tự không hiểu, không nên chê bai, chê bai quả đức của Phật tội rất nặng, không nên nói lại.

Chia ra tướng thật và khác: Chúng sinh và Phật đều có cõi riêng.

Nghĩa này thế nào? Dùng nghiệp để nhiếp quả, quả tùy nghiệp mà có riêng nên phạm phu và Phật mỗi mỗi cõi khác. Như nước sông Hằng, ngạ quỷ thấy là lửa, Như Lai thấy là nước. Ngạ quỷ có nghiệp lửa nên tự thấy lửa, Phật dùng nghiệp nước tự thấy là nước. Mỗi bên tự thấy do tự nghiệp chấp trì chẳng thấy vật khác, cõi Phật cũng như thế. Loạ Kế tâm tịnh nên thấy cõi nước thanh tịnh, Xá-lợi-phất tâm cấu nên thấy cõi nước không thanh tịnh.

Như thế tất cả phạm Thánh, có và không, nói sơ lược khác nhau như thế.

6. Nói về sự thấy biết có đồng và khác:

Trong đây có hai:

1- Phân biệt theo xứ.

2- Phân biệt theo sự.

1. Phân biệt theo xứ. Có bốn:

* Đồng xứ khác kiến: Như một thế giới tùy nghiệp khác nhau mà thấy các thứ khác nhau. Như cùng một sông Hằng mà người đời thấy nước, ngạ quỷ thấy lửa, hoặc trống không.

* Khác xứ đồng kiến: Như cõi Ta-bà, trăm ngàn chỗ nơi, chỗ nơi tuy khác mà sự thấy biết tương tự.

* Đồng xứ đồng kiến: Chúng sinh đồng nghiệp ở trong một chỗ cùng thấy một việc, như sông Hằng, vô lượng chúng sinh đồng thấy biết là nước.

* Khác xứ khác kiến: Như cõi Ta-bà và cõi An lạc, sự thấy biết đều khác.

2. Phân biệt theo sự. Trong một xứ theo nghĩa chia làm bốn:

Cùng một chất nhưng thấy lại khác: Như cõi Ta-bà, đối với sự việc ở cùng một chỗ mà chúng sinh có nhiều sự thấy khác nhau, hoặc thấy là nước hoặc thấy là lửa, hoặc thấy là các báu hoặc thấy là hư không.

Chất khác nhưng thấy lại đồng: Trong một chỗ, tùy theo người mà hiện ra nhiều cõi, nhiều chúng sinh thấy chỉ có một thế giới cõi đất.

Một chất thấy một chất: Chúng sinh đồng loại cùng thấy một việc, chất thể không khác.

Chất khác thấy khác: Như cõi Ta-bà này chúng sinh khác loại đều có cái thấy riêng. Như trong kinh nói: “Khi chúng sinh thấy kiếp cùng tận, lửa lớn thiêu đốt, cõi của ta thường an ổn trời người thường đông đảo”.

Vì các pháp tùy tâm hiện, không có tánh nhất định nên có các thứ

nghĩa về tịnh độ, tuy nói đầy đủ nhưng tùy chỗ cần yếu mà chia tích số lược.

2. NGHĨA BA THÂN PHẬT

Chia làm bảy môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Phân biệt theo thời.
- 4- Nói về nhân.
- 5- Phân biệt thường vô thường.
- 6- Phân biệt nói và không nói.
- 7- Phân biệt thứ lớp.

1. Giải thích tên gọi:

Nghĩa ba thân Phật xuất xứ từ Địa Kinh luận, Kim cang Bát Nhã cũng phân biệt đầy đủ.

Ba thân Phật là:

- 1- Phật Pháp thân.
- 2- Phật Báo thân.
- 3- Phật Ứng thân.

1. Phật Pháp thân: Đứng về thể mà nêu tên. Pháp là pháp tánh vô thi, pháp này là thật thể của chúng sinh, vì vọng tưởng bao bọc ràng rịt nên vô dụng không nhận ra thể chân thật. Về sau, dứt vọng pháp ấy hiển lộ tức là Phật thể, do hiển pháp thành thân nên gọi là Pháp thân. Như kinh Thắng-man nói: Ẩn Như Lai Tạng hiển thành Pháp thân. Thể của Pháp thân có nghĩa giác chiếu, gọi là Phật Pháp thân.

Hỏi: Nói rằng thể của Pháp thân là đệ nhất nghĩa không, vì không chẳng phải là tâm trí, làm sao giác chiếu?

Đáp: Pháp thân lia tướng là không, nhưng thể thật có, gọi là có pháp nhiều hơn số cát sông Hằng. Pháp ấy đều nói theo chân tâm, thể chân tâm là tánh thần tri, vì hay có giác chiếu nên gọi là giác. Nghĩa này thế nào? Trong tâm thể này từ xưa đến nay đầy đủ Phật Pháp nhiều hơn số cát của vô lượng sông Hằng, như trong vọng tâm đầy đủ tất cả những thứ lố lăng dối. Tâm thể đối với pháp ấy đồng thể chiếu sáng, từ xưa không chướng ngại. Nên luận nói rằng: “Từ xưa đến nay, vì có ánh sáng trí tuệ rộng lớn, vì tự tánh thức tri thanh tịnh, vì chiếu khắp tất cả pháp giới, gọi là bản giác”. Tánh tuy chiếu sáng nhưng bị vô minh ám chướng che trùm, nên dường như bất giác. Sau trừ ám chướng, tâm kia

hiển bày mới hiển được chân tâm. Như bản tánh ấy bên trong chiếu soi pháp giới nên gọi là Phật.

Hỏi: Chân tâm có giác chiếu, gọi là Phật thì được, pháp tánh sở giác không có nghĩa giác chiếu, vì sao gọi là Phật Pháp thân?

Đáp: Chia tướng nói theo, chân tâm năng giác gọi là Phật, pháp tánh sở giác thuộc về môn pháp bảo chân đế không gọi là Phật. Niếp tướng mà nói, chung hết cũng gọi là Phật. Nghĩa này giải thích ra có bốn:

Pháp tánh sở giác là Phật thể nên gọi chung là Phật. Như Như Lai Tạng là thể của chúng sinh, gọi là chúng sinh. Nên kinh nói: “Tức Pháp thân này trôi lăn trong năm đường gọi là Chúng sinh”.

Pháp tánh sở giác tuy chẳng phải trí Phật nhưng vì là thân Phật nên gọi là Phật. Như sắc thân Phật tuy không có giác chiếu nhưng cũng gọi là Phật, tất cả như thế.

Pháp tánh sở giác tuy chẳng phải trí Phật nhưng vì là Phật tánh nên được gọi là Phật, như tự năm ấm thành pháp chúng sinh, gọi là Chúng sinh.

Pháp tánh sở giác là cảnh giới Phật, là Phật giác chiếu, sinh ra trí Phật, theo chỗ được sinh ấy nên được gọi là Phật. Địa Luận nói: “Người biết hành xứ vì tự chứng biết, người tự chứng biết vì nương đó mà sinh”. Cùng luận Đại Trí nói về trí xứ, đồng tên là Bát Nhã, nghĩa này tương tự.

Đây đủ bốn nghĩa này nên gọi chung là Phật.

Pháp thân Phật như thế.

2. Phật Báo thân: Đền trả chỗ nhân gọi là báo, có tạo tác hạnh đức xưa không nay có, phương tiện do tu sinh đức của tu sinh đáp lại nhân trước gọi là báo, thể của báo đức gọi là Thân. Lại do đức chứa nhóm cũng gọi là Thân, báo thân giác chiếu gọi là Phật.

Hỏi: Báo Phật cũng có công năng giác chiếu, có gì khác với Pháp Phật giác chiếu ở trên?

Đáp: Thể một, tùy theo nghĩa mà phân chia. Thể chân tâm xưa ẩn nay hiện gọi là pháp Phật. Thể chân tâm này làm duyên huân phát, sinh ra các công đức gọi là Báo Phật. Pháp Phật như vàng, Báo Phật như đồ trang sức bằng vàng.

Hỏi: Pháp Phật tự có công năng giác chiếu, đâu cần Báo Phật?

Đáp: Không có Báo, Pháp thì không hiển bày, chỉ cần hiển bày Pháp thì có Báo sinh, nên lập ra Báo Phật. Lại nữa, Pháp Phật là tâm chiếu sáng vì chẳng phải sự dụng nên phải có Báo Phật, như vàng tuy

sạch chẳng mặc được hay ăn được, cần theo chế tạo thành đồ trang sức, Pháp Phật cũng thế. Lại không có Pháp, Báo chiếu soi cảnh có nghĩa khác nhau giữa chúng, nên phải phân biệt. Nghĩa sẽ giải thích ở sau.

3. Phật Ứng thân: cảm hóa làm nhân, trong cảm hóa tùy theo dụ mà đặt tên, như thế gian có người la lớn thì có tiếng hưởng ứng, ở đây cũng vậy, do chúng sinh cơ cảm như kêu lên, Như Lai thị hiện việc ứng hóa như hưởng ứng, do đó gọi là Ứng. Thể của Ứng đức gọi là thân. Lại chứa nhóm Ứng đức gọi là thân, Ứng thân giác chiếu gọi là Phật.

Hỏi: Ứng giác có gì khác với Chân?

Đáp: Chân này tùy hóa hiện biết gọi là Ứng.

Hỏi: Ba Phật đều có “năng giác” chiếu, pháp “sở giác” là đồng hay khác?

Đáp: Không nhất định, chia làm ba:

- *Phân biệt theo tướng:* Pháp Phật chỉ biết pháp tánh vô thủ gọi là tri lý pháp. Báo Phật hay biết hạnh tu đối trị, gọi là tri hạnh pháp. Ứng Phật biết rõ ba thừa giáo hóa, gọi là tri giáo pháp. Lại nữa Pháp Phật chỉ biết lý pháp. Báo Phật biết rõ pháp tự hạnh, trong pháp tự hạnh biết chung tất cả tự hạnh làm chính nên gọi là biết tự hạnh. Ứng Phật rõ biết hạnh pháp hóa tha, trong môn hóa tha cũng biết tất cả hóa tha làm chính nên gọi là biết hạnh pháp hóa tha.

- *Phân biệt theo rộng hẹp:* Pháp Phật chỉ biết pháp tánh vô thủ, nơi chùng ngần này ngoài lý pháp thì không có pháp khác để biết, cho nên Pháp Phật chỉ biết lý pháp. Cảnh giới sở tri của Báo Phật dần dần rộng, biết chung tất cả hai pháp lý và hạnh, biết lý sở chứng, biết hạnh năng chứng. Cảnh giới sở tri của Ứng Phật rộng nhất, biết chung tất cả hai pháp lý và hạnh, vì hóa độ chúng sinh nên biết lý biết hạnh sở thuyên, biết giáo năng thuyên. Lại nữa, Pháp Phật chỉ biết lý pháp, Báo Phật biết lý và tự hạnh pháp, biết lý sở chứng và tự hạnh năng chứng. Ứng Phật biết lý cũng biết tự hạnh và hóa tha pháp, duyên chung tất cả. Vì hóa độ chúng sinh nên rõ biết lý pháp là chỗ vào của hóa tha, biết tự hạnh để khởi lên chỗ hóa tha, biết chỗ lợi tha là dụng của hóa tha.

- *Nói chung theo thật:* Pháp Phật biết chung lý, giáo, hạnh pháp, biết Như Lai Tạng pháp tánh vô thủ là lý pháp, giác chân tâm xong, hiển bày thành đức gọi là biết hạnh pháp, biết chỗ chứng của mình pháp môn diệu âm hay làm gốc của vô tận lời nói, sinh ra tiếng pháp vô tận ngôn âm gọi là biết giáo pháp. Trong Lăng Già nói: “Pháp Phật cũng nói pháp”, còn Niết-bàn thì nói: “Đại Bát-niết-bàn lập đại nghĩa khởi các thứ hóa”, Tam-muội Kim cang khởi các thứ giảng nói chính là việc

này.

Báo Phật cũng biết lý, giáo, hạnh, pháp, biết lý sở chứng, biết hạnh năng chứng, biết giáo sở y. Ứng Phật biết chung, nghĩa như trên đã giải thích.

Hỏi: Ba Phật biết chung lý pháp, lý sở tri ấy là đồng hay khác?

Đáp: Giải thích chung thì nghĩa bằng nhau, tùy theo tướng phân biệt có khác. Pháp Phật biết lý không ẩn không hiển, chứng thật phần vọng từ xưa không duyên, đâu có gì che mờ ta cho nên không ẩn, xưa vốn không ẩn nay há có hiển, nên kinh Duy-ma nói: “Ta quán Như Lai mé trước không đến mé sau không đi, nay cũng chẳng trụ”. Báo Phật biết lý theo duyên mới hiển, đối với giới vực của sự, ngoài tình có lý, lý ngoài tình vốn bị tình che nên nói có ẩn, bỏ tình lý hiện nên nói có hiển Ứng Phật biết lý duyên khởi tác dụng, vì biết Như Lai Tạng duyên khởi thành tất cả pháp sinh tử Niết-bàn, dạy cho chúng sinh dứt tất cả duyên để cầu chân.

Ba Phật này phân biệt theo tướng danh nghĩa mỗi khác. Nói chung đều gọi là Pháp thân, cũng được gọi là Báo và Ứng. Nghĩa này ra sao?

Ba Phật đều nương pháp mà thành nên gọi chung là Pháp thân, ba Phật đều do pháp công đức mà thành nên gọi là Pháp thân. Bởi ba Phật đều là Pháp thân nên trong ba việc Niết-bàn, ba Phật đều thuộc về Pháp thân. Nói theo nhân thì ba thân đều gọi là Báo, Báo là tên riêng của quả này, ba Phật so với nhân đồng được gọi là quả, quả ấy đáp lại nhân nên gọi chung là Báo. Nói theo hóa thì cả ba đều gọi là Ứng, ứng theo vật tình hiển bày cả ba khiến các chúng sinh đồng thấy nghe. Nhưng trong kinh luận chia ba thân Phật riêng ra, ẩn hiển tên khác nên ban đầu tên Pháp, thứ hai tên Báo, thứ ba tên Ứng, có ba thân riêng.

Vì sao đầu tiên gọi riêng là Pháp, cho đến thứ ba gọi riêng là Ứng? Vì tùy theo nghĩa nên mỗi nghĩa hiển bày riêng. Pháp Phật là thể, hiển bày sự thành tựu bốn pháp, hiển bày nghĩa chứng được pháp nên gọi riêng là Pháp. Báo Phật là tướng xưa không nay có, do phương tiện tu mà sinh hiển nghĩa đáp lại nhân nên gọi riêng là Báo. Ứng Phật là Dụng, hóa dụng theo vật hiển bày nghĩa ứng mà thành nên gọi riêng là Ứng.

2. Nói về thể tướng:

Đức của Phật vô lượng khó có thể luận bàn, nay tùy theo cấp số tăng dần để giải thích.

Tổng quát chỉ có một Phật, nghĩa là trong Tam bảo có một Phật

Bảo.

Hoặc chia làm hai, trong đây lại chia làm hai:

1. Sinh thân Pháp thân.

Hình tướng tốt đẹp sinh từ cung vua gọi là sinh thân.

Năm phẩm công đức giới, định, tuệ v.v... gọi là Pháp thân.

2. Chân Ứng khác nhau, cũng chia làm hai:

Tự đức gọi là Chân.

Hiện theo hóa độ gọi là Ứng Chân, là thân pháp môn, Ứng thì chung làm thân thế gian.

Hai thân này như trong chương Niết-bàn ở trước đã phân biệt đầy đủ, nay chỉ nói lược.

Thân pháp môn, như các pháp âm dương ngũ hành v.v... lại cũng như thức thể của tất cả chúng sinh, tâm tuy là “hữu” nhưng không có một tướng, tuy không một tướng mà thật có.

Thân cộng thể, tùy sự hóa độ mà hiện thân giống như sắc tướng thế gian, hoặc có khi giống trời, hoặc giống người v.v... tất cả như thế, tuy hiện các hình tướng mà không một tướng nào thật, tuy không thật mà chẳng việc gì không làm. Như Niết-bàn nói: “Như Lai chẳng phải trời, mà cũng là trời, chẳng phải người, mà cũng là người”. So sánh nghĩa kia như thế.

Lại nữa, thân pháp môn bình đẳng, không ở nơi nào mà ở khắp nơi. Vì không ở nơi nào nên Bồ-đề không nơi chốn, vì không nơi chốn nên đức đầy khắp pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Không một trần xứ nào mà không có thân Phật”. Vì đức đầy khắp nên các căn tướng tốt đều khắp pháp giới, như mười tướng biển, như hư không vô ngại chẳng động, mỗi mỗi tràn đầy. Trong nghĩa này, dùng mắt làm cửa thì mắt trùm khắp pháp giới, các căn tướng tốt và tất cả chúng sinh cõi nước Phật đều hiện trong một con mắt, tất cả như thế.

Cộng thể thân, hình có chỗ nơi, vì có chỗ nơi nên hóa ra kia đây riêng khác, các căn tướng tốt mỗi mỗi có giới hạn.

Hoặc chia làm ba, trong đây có hai phần:

1- Khai chân hợp ứng để nói ba loại.

2- Khai ứng hợp chân để nói ba loại.

1. Khai chân hợp Ứng:

Như trên đã kể, trong chân chia làm hai: Pháp và Báo, nên nói ba loại. Trong môn này phân biệt bốn nghĩa:

a- Phân biệt tướng kia.

b- Ba nghĩa theo sắc, tâm, phi sắc tâm.

c- Phân biệt theo năm ấm.

d- Phân biệt theo sáu căn.

a- Nói phân biệt theo tướng: Là ba Phật này nghĩa chung cả đại, tiểu. Đại tiểu đã khác, lời nói cũng khác. Trong pháp Tiểu thừa nói Như Lai sự thức làm thể, trong sự thức năm phần công đức giới, định, tuệ v.v... là Pháp thân, thân tướng tốt sinh từ cung vua là Báo thân, Như Lai, khỉ, nai, ngựa v.v... hóa hiện nói pháp là Ứng thân. Nếu nói theo Đại thừa trong môn phá tướng thì, Như Lai bảy thức làm thể, trong ấy nói lý “không”, phá tướng là Pháp Phật, Pháp thật chẳng phải Phật, là thể tánh Phật, là cảnh giới Phật sinh ra trí Phật, theo đó gọi là Phật. Bảy thức duyên trí hiểu được lý không, gọi là Báo Phật, không trí làm chính. Các đức đầy đủ hóa thân tượng sáu v.v... gọi là Ứng Phật. Trong môn này tùy người nói, kinh luận không có giải thích, kinh tuy không nói, chuẩn y Tiểu thừa tùy hóa lập lý cũng được. Nếu y cứ theo Đại thừa trong môn Hiển Thật, Như Lai chân thức làm thể, nói theo Phật thì ngoài chân thức lại không có thức khác có thể làm Phật. Nên luận Duy Thức nói: “Chỗ sở hành của chư Phật Như Lai, chỉ có tạng thức không có thức khác”. Vì không có thức khác nên ba Phật đều dùng chân thức làm thể. Tâm chân thức xưa ẩn nay hiện gọi là Pháp thân, tức chân tâm này do duyên huân phát sinh các công đức gọi là Báo Phật. Địa Kinh nói các thứ trang nghiêm đầy đủ để thí dụ, chính là hiển nghĩa này. Trong Như Lai Tạng chân thật có năng lực pháp môn duyên khởi, khởi các thứ hóa gọi là Ứng Phật. Như kinh Niết-bàn nói: “Đại Bát-niết-bàn kiến lập đại nghĩa, các thứ hóa hiện” tức là nghĩa này.

b- Phân biệt Sắc, tâm, phi sắc tâm: Trong thể của Pháp Phật có đủ ba nghĩa: Pháp thân sắc căn tướng tốt sáng suốt là Sắc Pháp. Nghĩa này ra sao? Như kinh Niết-bàn nói: “Pháp tánh là sắc có thể dùng mắt thấy”, sắc ấy hiện rõ là sắc Pháp thân. Lại kinh Niết-bàn nói: “Nghĩa của niêm pháp chẳng phải sắc đoạn sắc, mà cũng là sắc, chẳng phải ấm đoạn ấm, mà cũng là ấm, chẳng phải nhập đoạn nhập, mà cũng là nhập, chẳng phải giới đoạn giới, mà cũng là giới, chỗ du hành của chư Phật Bồ-tát thường hằng bất biến”. Những điều này hiện rõ là sắc Pháp thân. Lại kinh Niết-bàn nói: “Ánh sáng là Niết-bàn thường trụ, không theo nhân duyên”. Vì sao hỏi về nhân duyên? Tất cả các thứ cũng có nhân duyên, nhân diệt vô minh nên được đèn Chánh giác sáng rõ, do nhân duyên này có ánh sáng này, như ánh sáng này cũng là sắc Pháp thân, chư căn tướng tốt cũng đồng mọi loài, chân tâm theo duyên hiển bày gọi là trí tuệ Tam-muội hạnh v.v... ấy là tâm pháp này. Chân như

không tính tuyệt đối lia tất cả tướng sắc tâm là pháp phi sắc phi tâm. Vì phi sắc nên Duy-ma nói: “Không quán sắc, không quán sắc như, không quán sắc tánh”. Không chấp sắc có gọi là không quán sắc, không chấp sắc không gọi là không quán như, không chấp sắc pháp chẳng phải nghĩa hữu vô gọi là không quán tánh. Lại kinh Niết-bàn nói: “Nhập vào vô sắc Đại Niết-bàn”, đó cũng là nghĩa phi sắc. Vì phi tâm nên Duy-ma nói: “Chẳng quán thọ tướng hành thức, chẳng quán thọ tướng hành thức như, chẳng quán thọ tướng hành thức tánh”. Nghĩa giống như trên. Địa Kinh nói: “Tự thể vốn không”. Trí tự không cũng là nghĩa phi tâm.

Có người nói, thể của Pháp Phật chỉ là lý không, đều chẳng phải sắc tâm, như kinh Niết-bàn nói: “Dạy không được thật” vì sao chỉ là không? Lại kinh nói “Tạng Như Lai là chân thức tâm”. Lại nói: “Phật tánh thể tánh là sắc”. Pháp ấy hiện bày gọi là Pháp thân, vì sao nói đều không có sắc tâm?”.

Có người nói, thể của Pháp Phật chỉ có sắc và tâm một bề chẳng phải không, dù cho nói không chỉ là không tha tướng, còn thể thật hữu. Như Địa Kinh nói: “Tự thể vốn không”, tạo sao chẳng không? Luận giải thích: Tự thể không đó là trí tự không. Vì sao nói chỉ không tha tướng? Lăng Già nói: “Trong Như Lai Tạng có pháp nhiều hơn số cát sông Hằng”. Tất cả đều noi theo pháp vô ngã, pháp ấy hiển bày gọi là Pháp thân. Vì sao chẳng không? Lại như luận Khởi Tín nói: Có người hỏi: “Trong Như Lai Tạng đầy đủ tất cả pháp, bèn cho là sắc tâm mỗi thứ có tự thể. Để đối lại phá chấp này nên nói tất cả pháp nương chân như, chân như cũng là tên riêng của không. Pháp ấy hiển bày nói là Pháp thân, vì sao chẳng không.

Thể của Báo Phật có đủ ba nghĩa. Thân tướng tốt là Sắc pháp, tướng ấy như thế nào? Chia ra làm ba:

Nói theo Pháp thân mà, thì báo thân Như Lai có các căn tướng tốt, âm thanh, ánh sáng v.v... bình đẳng với Pháp thân, đồng vắng lặng, tuy tướng rõ ràng vô ngại mà giống như pháp âm dương ngũ hành. Kinh Niết-bàn nói: “Ánh sáng Nguyệt Ai vô hạn, ánh sáng ấy không lạnh không nóng, chẳng xanh chẳng vàng cũng chẳng trắng, đỏ, không có bờ mé. Ánh sáng đã như vậy, các căn tướng tốt và âm thanh Phật tất cả đều đồng. Sắc này màu nhiệm chỉ Phật mới thấy, nên kinh Niết-bàn nói: “Thân Kim cang sáng rõ, các tướng sắc màu nhiệm đầy đủ các nghĩa chỉ có Như Lai mới biết nghĩa này, người khác không biết”.

Nói theo Báo thân, thì như Hoa Nghiêm diễn tả, đối với Ứng thân Phật mỗi tướng có vô lượng trăm ngàn tướng đẹp, danh tự tác dụng mỗi

khác, có các tướng như thế mà không thể thấy, như hạt ngọc trong búi tóc trời Phạm Thiên, có mà không thấy, tướng tốt này các Bồ-tát Địa Thượng tạm thấy được.

Nói theo Ứng thân, chỗ hiện thân ứng hóa có các căn tướng tốt, ánh sáng và âm thanh. Thể tức báo thân vì phát sinh từ tịnh nghiệp ở quá khứ. Đây là phước đức trang nghiêm của Phật, nên Niết-bàn nói: “Phước trang nghiêm là hữu vi, hữu lậu, hữu ngại, chẳng phải thường là pháp phàm nhân” tức là nghĩa này.

Tướng báo thân thô này, hàng Địa Tiên cũng thấy.

Hỏi: Vì sao có ba thân khác nhau này?

Đáp: Vì nhân khác nhau. Khi tu theo ba thứ nhân. Một là theo sự mà tu được báo thứ ba, bởi khi tu theo sự sẽ thấy, cho nên được báo thân theo chỗ thấy. Lại khi tu tùy theo chỗ có lợi ích. Hai là tu xả tướng, phá chỗ có vào không, được báo thứ hai. Bởi khi tu có các hạnh nương Không để thành, không có tướng để thấy. Lại khi tu nương không mà thành đức rộng nhiều vô tận, khi được báo thân cũng rộng nhiều vô tận. Ba là nương thật mà tu, dứt vọng hợp chân được báo thứ nhất. Bởi khi tu không niệm không duyên, nên được báo như thế không tướng lìa duyên. Lại khi tu hạnh hợp pháp giới hư dung vô ngại, khi được báo thân cũng đầy pháp giới hư dung vô ngại. Lại khi tu thường mà không động, được báo cũng thường không động.

Báo thân tùy nhân nên có ba thân khác nhau, báo độ cũng vậy, cần phải ghi nhớ.

Sắc pháp như thế, trí tuệ Tam-muội hạnh giải thoát v.v... đó là tâm pháp. Thường diệt Niết-bàn là pháp phi sắc phi tâm.

Hỏi: Thường diệt là cửa Niết-bàn, sao gọi là Phật?

Đáp: Về chia tướng thì Niết-bàn chẳng phải Phật, về nhiếp tướng thì Niết-bàn là Phật, nên trong Hoa Nghiêm nói, Niết-bàn là Phật mãi mãi diệt độ.

Trong thể Ứng Phật cũng có ba nghĩa, Sắc hình để thấy đó là Sắc pháp, ứng hóa tu thành hạnh trí tuệ v.v... đó là tâm pháp; do năm ấm thành giả gọi là người tu hành, đó là Phi sắc tâm.

Lại như Luận A Tỳ-đàm nói, tùy hóa thân có mạng căn cũng là phi sắc tâm.

c- Phân biệt theo năm ấm:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là năm ấm. Trong thể Pháp Phật đầy đủ năm ấm, như Niết-bàn nói: Sắc là Phật tánh cho đến thọ, tưởng, hành, thức là Phật tánh. Tánh kia hiển rõ gọi là Pháp thân năm ấm thân.

Lại Niết-bàn cũng nói, sắc là vô thường, nhờ diệt sắc này mà nhận được sắc Niết-bàn thường trụ, thọ tướng hành thức cũng giống như thế. Cho đến sắc là chẳng vắng lặng, nhân diệt sắc này nhận được sắc Niết-bàn vắng lặng, thọ tướng hành thức cũng giống như vậy. Những điều này cũng là Pháp thân năm ấm. Tuy nói có sắc, chỉ lia sắc pháp cũng như giới pháp vô tác của Tỳ-kheo, không thể so với sự, các ấm kia cũng như thế.

Hỏi: Kinh nói nhập vào Đại Bát-niết-bàn Vô Sắc, vì sao nói Pháp thân hữu sắc?

Đáp: Kinh nói nhập vào Đại Bát-niết-bàn Vô Sắc ấy, là không có sắc luống dối cõi phàm, chẳng phải không có chân sắc, nên Niết-bàn nói, vừa không vừa chẳng phải không. Nói không là sinh tử hai mươi lăm loài, nói chẳng phải không là có thiện sắc thường lạc ngã tịnh. Lại kinh ấy nói, giải thoát của Nhị thừa gọi là phi sắc, giải thoát của chư Phật gọi là sắc. Nên biết Pháp thân chư Phật có sắc.

Hỏi: Kinh nói Đại Bát-niết-bàn chỉ có vui vắng lặng mà không thọ vui, vì sao nói Pháp thân có thọ?

Đáp: Trên đây giải thích, không có thọ của sự phân biệt phàm phu, chẳng phải không có thọ của pháp bình đẳng, cho nên nói có thọ. Nghĩa này thế nào? Thọ có hai loại: một là thọ pháp tương ứng pháp thọ ở tâm, hai là thọ cảnh giới trái thuận các việc. Nghĩa là thọ khổ vui v.v... tâm thọ lạc thọ ở cảnh thuận; tâm thọ khổ thọ ở cảnh nghịch; tâm xả thọ, thọ ở cảnh không nghịch không thuận. Các Đức Phật Như Lai chỉ có loại thứ nhất không có loại thứ hai, không có loại thứ hai nên gọi là không thọ lạc, có loại thứ nhất nên gọi là có Thọ ấm.

Hỏi: chư Phật đã diệt tướng phân biệt, vì sao nói có tướng?

Đáp: chư Phật diệt tâm vọng tưởng, chẳng phải không có cái tướng sáng suốt hiểu rõ pháp, vì thấu suốt tất cả các pháp tướng.

Hành và thức cũng giống như trên.

Pháp Phật như thế, Báo Phật và Ứng Phật có đủ năm ấm, nghĩa ở chỗ này rất dễ biết.

d. Phân biệt theo sáu căn:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu. Trong thể của pháp Phật có đủ sáu căn, như Địa Trì nói, tánh chủng tánh là sáu nhập cao quý lần lượt tiếp nối pháp nhĩ từ vô thủy, sáu nhập ấy đến quả vị tức gọi là Pháp thân các căn mắt, tai v.v... Lại như kinh nói, trong thân chúng sinh đầy đủ mắt Phật, tai Phật v.v... như khuôn mẫu trong tượng, tánh này hiển bày gọi là mắt, tai Như Lai v.v... Tuy nói có, nhưng không thể nhận lấy, nên

biết đều là pháp môn nghĩa khác. Kia có dụng gì? Vì là duyên khởi nhân pháp môn nên sinh ra tận các căn mắt của Báo, Ứng. Như nương theo pháp âm dương ngũ hành sinh ra tạo tác tất cả việc đời. Mắt như thế, các căn còn lại cũng như thế.

Sáu căn của Báo Phật, thô đồng với Pháp thân, tuy có mà vô tướng, vô tướng mà có.

Sáu căn của Ứng Phật, nghĩa ở chỗ này rất dễ biết.

2. Khai Ứng hợp chân:

Khai ứng hợp chân để nói ba thân, như kinh Kim Quang Minh (loại bảy quyển) nói, trong ấy có phẩm Tam Thân, chuyên nói về nghĩa này. Ba thân là:

- 1- Phật Chân thật.
- 2- Phật Ứng thân.
- 3- Phật Hóa thân.

Báo thân và Pháp thân ở trước hợp thành Chân thân gọi là Hợp Chân, trong Ứng thân ở trước chia làm hai loại Ứng và Hóa, gọi là khai Ứng. Tướng trạng ra sao? Trong đây chia ra có bốn môn:

- a- Chia về tướng.
- b- Nói về lý do lập ra ba thân.
- c- Đứng về chư Phật để nói về ba thân.
- d- Đứng về Niết-bàn để nói về khác nhau.

a. Phân chia về tướng: Ba thân Phật, ở đây giải thích nghĩa có hai:

- Y theo Niết-bàn: Pháp Phật và Báo Phật gọi là Chân thân. Sinh từ cung vua, thành đạo dưới cội cây Bồ-đề gọi là Ứng thân. Từ Ứng thân này sinh ra vô lượng vô biên hóa Phật, gọi là Hóa thân. Nên trong hội Niết-bàn, Như Lai muốn chúng sinh mãn nguyện, nên từ mỗi lỗ chân lông trên thân mình hóa ra vô lượng Phật, thọ nhận vật cúng dường, tức là Hóa thân này. Riêng Phật Thích Ca thọ đồ cúng của Thuần-đà, tức là Ứng thân này. Trong kệ nói, Như Lai thường trụ tức là Chân thân.

- Theo kinh Kim Quang Minh, Pháp Phật và Báo Phật là Chân thân; tùy sự giáo hóa chúng sinh thị hiện thân Phật, đầy đủ tướng tốt oai quang cao siêu gọi là Ứng thân.

Đây là Ứng và Hóa ở trước nhập vào một môn này, đồng gọi Ứng thân. Phật tùy chúng sinh hiện các thứ thêm, hoặc người hoặc trời hoặc rồng hoặc quỷ, tất cả các sắc tướng đều đồng như thế gian, không phải thân Phật gọi là Hóa thân.

Trong ba thân này, Chân thân là gốc, nương Chân khởi Ứng, nương

Ứng Khởi Hóa, như y phiền não mà khởi nghiệp, y theo nghiệp mà thọ báo. Phân ra tướng như thế.

b. Nói về lý do lập ra ba thân:

Nay nói theo kinh Kim Quang Minh, do bốn nghĩa mà lập ba thân.

- 1- Nhân khởi khác nhau.
- 2- Trị chướng khác nhau.
- 3- Chỗ tịnh khác nhau.
- 4- Tùy hóa khác nhau.

1- *Nhân khởi khác nhau:* mà lập ba thân, như kinh ấy nói, Như Lai xưa lúc tu hành nguyện vì chúng sinh tu các thứ hạnh. Hạnh ấy mãn túc đến địa vị tự tại rốt ráo, mới tùy theo nhiều loại chúng sinh, biết rõ mà hiện nhiều loại chúng sinh, biết rõ mà hiện nhiều thứ thân hình nên lập ra Hóa thân. Kinh ấy lại nói, xưa khi Phật còn tu nhân, nguyện vì chúng sinh giảng nói chân đế thông đạt sinh tử Niết-bàn một vị, thú hưởng cầu Phật thân. Lại vì chúng sinh sợ Như Lai có vô biên Phật Pháp, cầu một hình tướng tốt của Phật, mà làm lợi ích chúng sinh. Hạnh ấy mãn túc vì chúng sinh thị hiện Phật thân, giảng nói chân đế mà độ thoát, nên lập Ứng thân. Lại lúc Phật ở địa vị tu nhân, tu các hạnh, dứt các phiền não, đầy đủ tất cả thiện, dứt trừ vọng tưởng, thú hưởng mong cầu mé thật. Hạnh ấy mãn túc, được quả như thật, nên lập ra Chân thân. Chân thân ấy là pháp như như và trí như như, pháp như như là Pháp thân, trí như như là Báo thân. Đây là nghĩa thứ nhất, do nhân khởi khác nhau mà lập ba thân.

2- *Trị chướng có khác:* Như kinh ấy nói tất cả phàm phu vì bị ba tướng ràng buộc nên không được ba thân: Để đối trị ba tướng nên lập ra ba thân, ba tướng là:

- Tướng phân biệt là phiền não do vọng tâm phân biệt làm chướng Pháp thân, vì dứt trừ chướng này nên được Phật chân thật.

- Tướng y tha khởi, tức là các nghiệp y theo phiền não khởi, do tội nghiệp này làm chướng quả tướng tốt của Phật, dứt trừ chướng này nên được Phật Ứng thân.

- Tướng thành tựu, tức là y theo nghiệp trên, thành tựu khổ báo, do khổ báo này có hình thể định ngại, chướng sự hóa vô chướng ngại của Như Lai, dứt trừ chướng này nên được Phật Hóa thân.

Lại kinh ấy nói tất cả phàm phu có ba thứ tâm nên không được ba thân. Để đối trị ba tâm ấy nên lập ba thân, ba tâm là:

Tâm khởi sự, nghĩa là phiền não khởi lên từ Bốn trụ, loại hoặc này

thô mạnh, khởi lên nghiệp sự gọi là tâm khởi sự, chương Hóa thân Phật, Bồ-tát tu tập hàng phục kiết sử, phục trừ tâm này nên được Hóa thân.

Tâm y bốn, nghĩa là Bốn trụ địa nương vô minh khởi lên, gọi là y tâm bốn, chương Ứng thân của Phật. Bồ-tát tu tập dứt bỏ kiết sử, dứt trừ tâm này nên được Ứng thân.

Tâm căn bốn, nghĩa là vô minh địa, làm gốc cho Bốn trụ và phiền não nên gọi là bốn tâm chương Chân thân của Phật, Bồ-tát tu tập chiến thắng nhổ gốc vô minh, diệt trừ tâm này nên được Chân thân.

Đây là nghĩa thứ hai, trị chương khác nhau nên lập ba thân.

3- *Chỗ tịnh khác nhau*: Như kinh ấy nói vì pháp tánh như như rất thanh tịnh, nhiếp thọ Pháp thân này gọi là Chân tâm là Pháp thân. Vì trí tuệ như như rất thanh tịnh nhiếp thọ Ứng thân, y chân khởi dụng nên nói trí tuệ nhiếp thọ Ứng thân. Do môn Tam-muội rất thanh tịnh nhiếp thọ Hóa thân, nương định khởi dụng nên Tam-muội thanh tịnh nhiếp thọ hóa thân.

Đây là nghĩa thứ ba, do chỗ tịnh khác nhau nên lập ba thân.

4- *Tùy hóa khác nhau*: Tùy hóa khác nhau lập ra ba thân, như kinh ấy nói, Phật tùy chúng sinh nhiều thứ ý tư nên thị hiện Hóa thân, đây là vì phàm phu. Phật tùy đệ tử một loại ý nên thị hiện Ứng thân, đây là ví Thanh văn, các đệ tử Thanh văn đồng cầu thấy Phật gọi là một ý, Phật theo ý này chỉ hiện Phật thân, gọi là Ứng thân. Vì tùy các Bồ-tát có tâm phá tướng nên hiển bày Chân thân, dùng Phật chân thân ngăn che tất cả tướng, chẳng phải cảnh chấp tướng khác nhau Ứng thân, chỉ có một tướng khác nhau Hóa thân hiện các thứ tướng. Bồ-tát không chấp tướng một, tướng khác v.v... nên vì hiển bày.

Đây là nghĩa thứ tư tùy hóa khác nhau, nên lập ba thân.

c. Đứng về chư Phật để nói về ba thân:

Như kinh Kim Quang Minh nói, Hóa thân kia đồng sự với Phật, đồng một sự biến hóa của các Như Lai. Ứng thân kia đồng một ý với Phật, đồng một ý mở mang Phật Pháp hóa ích của chư Phật. Chân thân kia đồng thể với Phật, vì tất cả chư Phật dùng pháp như như, trí như như làm thể.

d. Đứng về Niết-bàn để nói về ba thân:

Như kinh ấy nói, Niết-bàn có hai: một là Hữu Dư tùy hóa hiện diệt, hai là Vô Dư thật chứng thể tịch. Nói Hữu Dư theo hai thân trước, nói Vô Dư theo Chân thân sau. Lại Kinh nói, theo hai thân trước thường tùy thế gian không trụ Vô Dư, theo Chân thân thường tịch lìa tướng không trụ Hữu Dư.

Hoặc tăng lên mà nói bốn Phật.

Bốn Phật có ba môn:

- 1- Khai chân hợp ứng để nói bốn Phật.
- 2- Khai ứng hợp chân
- 3- Chân ứng đều khai.

1. Khai chân hợp ứng để nói bốn thân Phật: Như kinh Lăng Già nói, một là Phật Ứng hóa, hai là Phật công đức, ba là Phật trí tuệ, bốn là Phật như như. Kinh ấy nói: Thế nào là Phật trí tuệ? Thế nào là Phật Như như? Trong bốn thân này, Phật thứ nhất là Phật Ứng thân, ba thân sau là Chân thân. Vì Ứng là một, chân phân ra làm ba nên gọi là Khai chân hợp ứng. Trong ba chân thân, công đức và Trí tuệ là Phật Báo thân, Báo đức tuy nhiều cần yếu chỉ có phước trí, phước gọi là Công đức, trí là gọi Trí tuệ, còn một như như là Phật Pháp thân.

Trong kinh Thắng-man cũng có tướng này. Kinh nói, Như Lai diệu sắc thân v.v... là Phật Ứng thân. Như Lai sắc vô tận là thân Công đức. Trí tuệ cũng như thế, là thân Trí tuệ. Nhất thiết pháp thường trú là thân Pháp tánh.

Đây là nghĩa thứ nhất khai chân hợp Ứng để nói là bốn thân.

2. Khai Ứng hợp Chân: Khai ứng hợp chân để nói bốn thân Phật. Như kinh Kim Quang Minh (loại bảy quyển) có nói: một là Hóa thân chẳng phải Ứng, Như Lai vì muôn loài thị hiện rồng, quỷ v.v... Không làm thân Phật, gọi là Hóa chẳng phải Ứng. Lại Kinh nói, sau khi Phật Niết-bàn, do nguyện lực nên lưu thân làm lợi ích muôn loài, đây cũng là Hóa thân chẳng phải Ứng. Hai là Ứng thân chẳng phải Hóa, Kinh tự giải thích rằng đó là thân Địa tiền, Bồ-tát Địa tiền thấy thân Phật, cho đến từ pháp môn Tam-muội hiện, chẳng thuộc về trời người sáu đường, do nghĩa này gọi là Ứng, chẳng phải Hóa. Ba là thân vừa Ứng vừa Hóa, là thân Phật mà Thanh văn thấy. Kia thấy thân tướng tốt của Như Lai tùy theo đạo thành Phật, nên gọi là Ứng, thấy Phật thọ sinh trong loài người giống như loài người nên gọi là Hóa. Bốn là thân chẳng phải Ứng chẳng phải Hóa, là Phật chân thân.

Trong bốn thân này, ba thân trước là Ứng, một thân sau là chân, do Ứng có ba nên gọi là Khai Ứng, do Chân là một nên gọi là hợp chân.

Lại có một thuyết Khai Ứng hợp chân thứ hai, cũng nói là bốn thân Phật. Một là Phật Chân thân là Pháp và Báo, hai là Phật Ứng thân sinh từ cung vua thành đạo dưới gốc cây, ba là Phật Hóa thân, y theo Ứng thân thị hiện vô lượng vô biên Hóa Phật, bốn là Hóa thân chẳng phải Phật nghĩa là thị hiện tất cả thân rồng, quỷ v.v..., thân ngọn về gốc,

là hành vi của Phật nên chung lại cũng là Phật. Đây là nghĩa thứ hai của Khai Ứng hợp Chân.

3. Chân Ứng đều khai: Trong Chân chia ra làm hai: Pháp thân và Báo thân, nghĩa như trên đã giải thích. Trong Ứng chia làm hai. Ứng thân và Hóa thân, cũng giải thích như trên.

Lại trong Ứng lại chia hai: một là Pháp Ứng, nghĩa là từ năng lực pháp môn Tam-muội hiện ra. Như Niết-bàn nói, Đại Bát-niết-bàn thành lập nghĩa Đại, Tam-muội Kim cang các thứ đều làm ra, tất cả như thế đó là Pháp Ứng. Hai là Báo Ứng, do năng lực đại bi đại nguyện căn bản tùy theo chúng sinh hiện các thứ khác nhau, vì từ Báo thân của Phật khởi ra nên gọi là Báo Ứng.

Trong một Chân chia làm Pháp và Báo, trong một Ứng, nghĩa chia riêng hai Ứng, nên hợp lại thành bốn thân.

Có chỗ chia làm năm:

Là thân năm ấm của Như Lai, lại nữa, năm phẩm công đức là Giới, Định, Tuệ. Giải thoát, Giải thoát tri kiến cũng được gọi là năm thân Phật, nghĩa giải thích như ở dưới.

Có chỗ chia làm sáu:

Trong phần Pháp Phật, ở trước chia làm hai nghĩa:

- a- Thể hiển rõ Phật.
- b- Duyên hiển rõ Phật.

Thâu nhiếp đức trở về gốc, gọi là hiển rõ thể, thâu nhiếp đức trở về duyên gọi là hiển rõ duyên. Nói hiển rõ thể là Như Lai Tạng tánh từ xưa đến nay có nghĩa hiển liễu từ duyên, gặp duyên liền hiển rõ. Nói hiển rõ duyên là tu nhiều hạnh, dứt trừ cấu nhiễm, thanh tịnh pháp giới, thể tuy hiển rõ phải nhờ các duyên, tuy duyên làm hiển rõ nhưng phải hiển rõ thể. Hai thân này thể một mà tùy nghĩa chia ra làm hai.

Trong phần Báo Phật, cũng chia ra hai nghĩa:

- a- Phật do Thể tạo tác.
- b- Phật do Duyên tạo tác.

Thâu nhiếp đức về gốc gọi là thể tác, như các đồ trang năng lực vốn do vàng làm ra, thâu nhiếp đức trở về duyên, đó là duyên tạo tác, như đồ trang năng lực nhờ duyên thợ khéo làm ra. Thể tuy có thể tạo tác nhưng tạo tác phải nhờ duyên, duyên tuy tạo tác nhưng phải nương vào thể. Hai thân này thể một, tùy theo nghĩa mà chia làm hai:

Trong Ứng Phật cũng chia hai nghĩa:

- a- Phật Pháp Ứng.
- b- Phật Báo Ứng.

Nhiếp dụng về gốc, Ứng thân khởi từ Pháp thân, vì đó là chỗ khởi của pháp môn Tam-muội. Nhiếp dụng về ngọn là khởi từ Báo thân, vì đó là chỗ khởi của nguyện lực đại bi. Pháp thân tuy năng khởi nhưng phải nhờ bi nguyện, các hạnh bi nguyện tuy có thể khởi nhưng phải nương vào Pháp thân. Hai thân thể một, tùy nghĩa chia làm hai.

Hợp cả ba phần nói chung là sáu thân.

Cũng nói có bảy: Sáu thân trên đây là từ thật theo duyên mà chia riêng, bỏ duyên chỉ nói về thật không ẩn không hiển, đó là một thân, cộng với sáu thân trên thành ra bảy.

Chia làm tám: Thân trong Phật không ẩn hiển thứ bảy ở dứt trước thì, nghĩa chia làm hai:

1. Nói chung theo Thật, thì từ xưa đến nay ngoài thật không có duyên, duyên đã không có thì còn y vào đâu mà nói ẩn nói hiển? Do không ẩn nên xưa sẽ chẳng có nhân, do không hiển nên nay sẽ chẳng có quả, thế thì xưa nay tự tánh thường thanh tịnh, Pháp thân vô vi.

2. Dứt duyên chứng thật, không ẩn không hiển đến Phật so lại, từ xưa không duyên, vì không duyên nên xưa sẽ chẳng ẩn, chẳng phải nay mới hiển. Khi xưa không ẩn không thể gọi là nhân, nay chẳng phải mới hiển không thể gọi là quả, nên trong Niết-bàn khen ngợi Như Lai được Pháp không nhân không quả báo.

Môn này được từ nhân tu, cho đến khi được đắc không theo nhân nữa, nên kinh Niết-bàn nói: “Nhờ tâm từ của thế đế mà được tâm từ của Đệ nhất nghĩa, tâm từ của đệ nhất nghĩa không theo nhân duyên.

Các đức khác đều như vậy”. Trong chỗ không ẩn hiển chia thành hai nghĩa này, nên hợp với sáu thân trước thành tám.

Có chỗ chia làm mười.

Như trong Hoa Nghiêm nói, có hai lối văn đại đồng tiểu dị, có chỗ nói mười thân là:

- 1- Phật Chánh giác.
- 2- Phật Nguyện
- 3- Phật Nghiệp báo.
- 4- Phật Trụ trì
- 5- Phật Hóa.
- 6- Phật Pháp giới
- 7- Phật Tâm.
- 8- Phật Tam-muội
- 9- Phật Tánh.
- 10- Phật Như ý.

Ở đây chỉ nêu tên, không giải thích.

Có chỗ nói:

Phật Vô Trước, vì an trụ thế gian thành Chánh giác, đây chính là Phật Chánh giác ở trên.

Phật Nguyên, Phật Nghiệp báo, vì tín thành tựu nên các hạnh đều thành, chỉ tín này tức là Phật nghiệp báo ở trước.

Phật Trụ Trì, thuận theo thế gian không dứt dứt, đây cũng là Phật Trụ Trì ở trước.

Phật Niết-bàn, vì diệt độ hẳn ở, đây có hơi khác với Phật Hóa ở trước, luận chung thì vì không xả đại bi, đại nguyện lực hóa mới được tên là Đại Niết-bàn, nên Hóa Phật trước là hiển bày nghĩa Đại Niết-bàn.

Phật Pháp giới, vì ở tất cả nơi chẳng nơi nào không khắp, ở đây đồng với trước.

Phật Tâm, vì khéo an trụ, ở đây cũng đồng như trước.

Phật Tam-muội, thành tựu vô lượng hằng sa công đức vì vô sở trước, ở đây cũng đồng như trước.

Phật Tánh vì khéo quyết định, đồng với trước. Phật

Như Ý, vì che khắp, đây cũng đồng như trước.

Tùy theo sự chia chia rộng rãi, thân Phật cũng vô lượng, nay y cứ một môn chỉ nói có ba thân Phật.

3. Phân biệt theo thời:

Thời có ba:

1- Thời phạm, trước Thiện thú.

2- Thời Thánh, Chủng Tánh trở lên. Hàng Địa tiền cũng gọi chung là Thời phạm, Sơ địa trở lên gọi là Thời Thánh.

3- Thời quả, nằm ở mé sau.

Đứng về ba thời này để nói ba thân Phật, giải thích có ba:

- Nói có khác nhau.

- Nói về lỗi quấy.

- Sau hiển chánh nghĩa.

Nói có khác nhau thế nào? Có người nói thể của ba thân Phật đều là bản hữu, vì sao? Vì ba Phật đều nói theo thật, nói theo thật thì xưa nay không có nhân, nhân vốn chẳng có làm sao đối đãi mà nói ba thân Phật là riêng ở lúc đắc quả? Dù cho nói ở quả vị, thì đó là sự thấy biết của thế tục, phạm tình, chẳng phải đạo lý chân chánh. Lại như kinh nói trong Như Lai Tạng có đủ tất cả pháp, như vậy biết ba thân Phật là bản

hữu, đây là một lối lý luận.

Có người lại nói Phật Báo và Phật Ứng do từ sinh nhân, riêng tại lúc đặc quả. Thể của Phật Pháp chẳng từ sinh nhân sinh ra, một bề sẵn có. Đây là hai lối luận.

Có người lại nói, Ba Phật là quả riêng ở lúc đặc quả, nếu trong nhân có chỉ có thể gọi là Tánh, không được gọi là Phật. Đây là ba lối lý luận.

Nói về lối quấy, luận đầu nói ba Phật đều sẵn có, nghĩa ấy không đúng, nếu nói theo thật, thì xưa nay không nhân để cho ba Phật đều là sẵn có, thì xưa nay đã không nhân, đáp lại gì mà gọi là Báo? Nay nếu nói theo thật, thì xưa nay không nhân cũng không chúng sinh, tùy theo ai mà gọi là Ứng? Lối này bị hoại về văn tự đâu cần nói nhiều. Nếu bảo kinh nói trong Như Lai Tạng đầy đủ tất cả pháp để ba thân Phật sẵn có, lối này cũng lối.

Như Thắng-man nói, pháp nhiều hơn hằng sa khi ẩn gọi là tàng, hiển là Pháp thân, đó là y theo pháp trong Pháp thân mà nói đầy đủ tất cả, vì sao khai ra Báo và Ứng? Nếu để cho ba Phật đều sẵn có, đó là ba Phật đều nhờ Liễu nhân mà hiển, chẳng phải do sinh nhân sinh ra, như trong Kim cang Bát-nhã nói, Công đức thọ trì kinh đối với thật gọi là liễu nhân, cũng làm sinh nhân cho cái khác.

Luận ấy tự giải thích, liễu nhân đối với thật là so về mặt Pháp Phật, làm sinh nhân cho cái khác là so về mặt Báo - Ứng. So phía Báo Ứng đã nói là sinh nhân, làm sao sẵn có? Lại Niết-bàn nói, nếu nói Bồ-đề là sẵn có, phạm Ba-la-di, báng Phật Pháp Tăng. Bồ-đề còn là Phật báo và Phật ứng làm sao sẵn có?

Lại trong kinh Niết-bàn, y cứ trên các thí dụ sữa, lạc, hạt cây để phá cái sẵn có, nếu là Phật Báo và Phật Ứng sẵn có, thì kia phá chỗ nào? Lại kinh Niết-bàn nói: “Xưa có nay không, xưa không nay có, ba đời có pháp, không đúng với lẽ thật”. Nếu Phật Báo và Phật Ứng sẵn có thì nói câu trên làm gì, nếu đúng như vậy thì kinh đâu nói: “Không đúng lẽ thật”. Nghĩa của bài kệ này, kinh đã giải thích đầy đủ không cần giải thích khác.

Lại trong kinh Niết-bàn có nói về bốn chủng tánh, cho rằng có khi người xiển-đề có Phật tánh và người thiện căn không, nghĩa là người xiển-đề có tánh bất thiện, có khi người thiện căn có Phật tánh còn người xiển-đề không, nghĩa là người thiện căn có tánh thiện, có khi hai hạng người đều có đủ Phật tánh, có đủ lý tánh, hoặc có Phật tánh hai hạng người đều không, chẳng có quả tánh. Nếu Phật Báo và Phật Ứng sẵn có,

vì sao nói “hai hạng người đều không”. Hai hạng người đều không là lời kinh nói không có lỗi, Ba Phật sẵn có cần gì lại lập, Báo Ứng sẵn có, thì Phật Pháp có lỗi lớn, cần phải xả mau, không nên gương lập. Đây là Lỗi thứ nhất.

Hạng thứ hai nói riêng một Phật Pháp, một bề sẵn có, đây cũng không đúng. Như kinh Thắng-man nói, pháp nhiều hơn số cát sông Hằng, khi ẩn gọi là tàng, khi hiển là Pháp thân. Cho nên Pháp thân nêu danh khi hiển, đâu được sẵn có? Lại nhân của Phật Pháp tức là Phật tánh. Kinh Niết-bàn nói, Phật tánh chúng sinh không gọi là Phật, làm sao mà nói Phật Pháp sẵn có, đây là Lỗi thứ hai.

Hạng thứ ba nói, Ba thân Phật ở tại quả, trong nhân quyết định không có, điều này cũng không đúng, nếu nói Phật pháp chắc chắn vốn không, như Duy-ma nói tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, tức tướng Niết-bàn. Niết-bàn cũng nói Đại Bát-niết-bàn vốn có, tự có, chẳng phải nay mới có. Bồ-đề Niết-bàn là tên khác của Phật Pháp, Bồ-đề Niết-bàn đã tự sẵn có, vì sao Phật Pháp vốn không? Lại như kinh nói, trong thân chúng sinh có đủ trí Như Lai, mắt Như Lai v.v... Thiếu kém chỗ nào mà không gọi là Phật Pháp. Nếu nói Báo và Ứng quyết không sẵn có, điều này cũng sai.

Như trong kinh Niết-bàn nói, nếu có người hỏi: Trong hạt của trái này có cây không? Nên đáp thẳng rằng: vừa có vừa không, từ hạt sinh cây nên được gọi là có, ngay lúc chưa có cây thì được gọi là không. Sữa, lạc v.v... các thí dụ kia cũng như thế. Nếu có người hỏi: Trong thân chúng sinh có Phật hay không? Nên đáp: Vừa có vừa không. Từ đây sinh kia nên được đáp là có, tức lúc chưa có Phật nên được đáp không. Nói chung cả có và không gọi là Trung đạo, làm sao nói một bề quyết định không, đây là Lỗi thứ ba.

Hiển bày chánh nghĩa.

Nghĩa của ba thân Phật đầy đủ ở quả. Thời Thánh có một phần, thời phàm bất định. Nếu nói về Phật Pháp vừa có vừa không, nghĩa này chia làm ba:

Phân biệt về Thật theo duyên: Theo duyên nói thật, thật là vì duyên ẩn mà sau có thời hiển, tịnh đức làm gốc chỉ gọi là Phật tánh không gọi là Phật. Nên kinh nói Phật tánh ở chúng sinh không gọi là Phật. Y theo Thật nói về thật, ngoài thật không có duyên, không duyên để che mờ chân, lại đợi điều gì mà không gọi là Phật? Nên kinh nói, tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, tức tướng Niết-bàn. Phật cũng như vậy.

Theo một người phân biệt đầu cuối. Y cứ theo tử mà luận, thật vì tính hiển, tại ẩn chưa lộ không được gọi là Phật, đến Phật so lại từ xưa không tánh, xưa nay là Phật, nên kinh nói, khi phàm phu chưa thành Phật, thì Bồ-đề làm tánh cho phiền não. Nếu khi bậc Thánh thành Phật, thì phiền não là Bồ-đề. Lại kinh cũng nói, Phật biết chúng sinh là tướng Bồ-đề không cần diệt nữa, vì không cần lại diệt nên vốn là Niết-bàn. Phật cũng như vậy.

Phân biệt theo phàm và Phật. Phàm phu và Phật khác nhau, chân thể không khác, đều dùng Phật tánh Như Lai Tạng làm thể. Y cứ vào phàm để nói về thể, thể bị hoặc mà ẩn. Sau khi hiển bày tính đức làm gốc nên chỉ gọi là Tánh, không gọi là Phật.

Y theo Phật để so sánh, thì thể của phàm phu xưa nay thường tịnh, xưa nay là Phật, nên kinh Niết-bàn nói, có khổ có đế, có thật cho đến có đạo, có đế có thật. Thật đế này tức là Như Lai, hư không, Phật tánh. Đứng về pháp để nói về chân thì chân gọi là Thật đế. nói theo phàm thì, thật vì tính ẩn gọi là Phật tánh.

Theo Phật mà biện, thật vốn thường tịnh nên khổ v.v... thật tức là Như Lai. Y cứ vào thật để nói về thật, thật thể lìa tướng tức gọi là hư không. Nghĩa ấy như thế, nhất định có hoặc nhất định không có lý ấy cần bỏ. Báo Phật và Ứng Phật, có và không chẳng nhất định. Trên thể chân nghĩa, từ xưa đến nay có nghĩa từ duyên sinh ra, gọi là có, như có sữa có lạc nói là có tô, có mè nên nói có dầu. Ngay nơi chưa có thể, gọi là không. Nghĩa đã như vậy nếu nói nhất định có, thì đó là chấp trước, nếu nói nhất định không tức là nói dối. Có và không gồm nói gọi là Trung đạo.

4. Nói về nhân:

Trước, đứng về Pháp Báo để nói về nhân, sau đứng về Ứng để nói.

Trong nhân của Pháp báo có chia ra hai nhân:

Phân biệt Sinh liễu.

Phân biệt Chánh duyên.

Sinh liễu như thế nào? Nói không khiến thành có gọi là sinh, đã có thì khiến hiện gọi là Liễu. Phần tướng thô, Phật Báo một bề được sinh từ sinh nhân, vì bốn không, Phật Pháp một bề do liễu nhân hiển bày vì vốn không.

Trong đây nói tể, Phật Báo đầy đủ hai thứ nhân để hiển bày, một là sinh nhân sinh, hai là liễu nhân hiển. Thân khởi gọi là sinh nhân,

ban đầu giúp sức gọi là liễu nhân, nên trong quả Niết-bàn của phương tiện gọi là Bồ-đề, vì quả Bồ-đề kia có sinh có liễu. Văn kinh nói: “Lại có sinh nhân, sáu Ba-la-mật A-nậu Bồ-đề; lại có liễu nhân Phật tánh Bồ-đề”. Văn Kinh cũng nói: “Lại có liễu nhân là bát Thánh đạo A-nậu Bồ-đề”. Dùng đây chuẩn nghiệm nên biết Báo Phật có sinh có liễu, Phật Pháp chỉ được từ liễu nhân, chẳng phải sinh từ sinh nhân vì vốn sẵn có.

Hỏi: Các nhân tướng này, đến trong môn duyên chánh có đủ phân biệt. Duyên chánh ra sao?

Đáp: Thân khởi gọi là chánh, giúp ban đầu gọi là duyên. Phật Pháp đã được từ liễu nhân, liễu nhân có hai:

- 1- Chánh liễu nhân.
- 2- Duyên liễu nhân.

Theo Thời phàm nói Phật tánh để hiển bày chánh liễu, thể của Phật tánh này từ xưa đến nay có nghĩa theo duyên hiển liễu, gọi là liễu nhân. Nên trong kinh Niết-bàn nói, Phật tánh tuy có mà chẳng đồng với hư không, hư không tuy dùng vô lượng phương tiện cũng không thể thấy, Phật tánh thì có thể thấy. Vì có thể thấy nên gặp duyên liền thấy, có thể thấy còn là có thể liễu nghĩa.

Theo Thời Thánh thì chân thật vô tác sáu ba-la-mật dùng làm chánh liễu, Phật tánh ở trước ấy dần dần hiển thành hạnh gọi là sáu độ, sáu độ này cũng có nghĩa có thể viên hiển liễu, gọi là liễu nhân.

Duyên liễu có hai:

Duyên tu sáu độ, làm hiển chân thể gọi là duyên liễu, như lửa luyện vàng.

Chân thật hữu tác sáu ba-la-mật làm hiển chân thể gọi là Duyên liễu, như đồ trang năng lực nói lên sự trong sạch của vàng.

Hai duyên này đều ở Thời Thánh, thời phàm chưa có.

Phật Báo đã sinh từ sinh nhân, sinh nhân có hai:

- 1- Chánh nhân sinh.
- 2- Duyên nhân sinh.

1. Chánh nhân có hai:

- Theo Thời phàm nói Phật tánh dùng làm chánh nhân, Phật tánh này là Phật Báo tánh chẳng phải Pháp Phật tánh. Vì sao là Báo Phật tánh? Vì Tâm thể của tám thức là Pháp Phật tánh, trên tâm thể ấy từ xưa đến nay có nghĩa Phật Báo có thể từ duyên sinh, gọi là Phật Báo tánh. Lại không có thể riêng nên Niết-bàn nói, Phật tánh tuy không, nhưng chẳng đồng với sừng thỏ, sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện

cũng chẳng sinh được, còn Phật tánh có thể sinh, vì có thể sinh duyên liền sinh. Nếu không có nghĩa có thể sinh ấy, thì tuy dùng vô lượng trăm ngàn phương tiện Phật Báo cũng chẳng sinh, do nghĩa có thể sinh này nên gọi là Sinh nhân.

- Theo Thời Thánh, chân thật hữu tác sáu ba-la-mật dùng làm chánh nhân, vì Phật tánh trước có nghĩa khả sinh, gặp duyên huân phát thì sinh vô lượng công đức, công đức được sinh gọi là hữu tác sáu ba-la-mật. Sáu độ này cũng hay sinh ra Phật Báo nên gọi là Chánh nhân. Thí dụ sữa lạt cho đến sữa chín, trước sau tuy khác, so với đề hồ đều gọi là sinh nhân, ở đây cũng như thế.

2. Duyên nhân có hai:

Nơi tâm sáu thức bảy thức v.v... duyên tu sáu độ, huân tập chân tâm sinh ra Phật Báo, gọi là duyên nhân.

Tánh của Phật Pháp và sáu độ ba-la-mật cũng giúp thành công đức của Phật Báo, nên gọi là duyên nhân. Thí như thấy sắc sinh ra nhãn thức, sắc đối với nhãn thức gọi là duyên nhân, ở đây cũng như thế, so với Phật Báo duyên sinh đã vậy, duyên này so với Báo cũng được gọi là liễu nghĩa nhân tướng của Pháp-Báo như thế.

Nói về Phật Ứng.

Ứng nhân bất định, nhiếp dụng theo thể lại không có nhân riêng, tu được chân thể tự nhiên khởi dụng, đâu cần nhân riêng, tùy nghĩa phân biệt cũng được nói là nhân, nhân có hai thứ:

- Nhân cùng loại: Ứng Phật tu các hạnh để làm Ứng nhân, như Phật Thích-ca từ thành Phật lâu xa, thị hiện trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu các hạnh, chỗ thành ứng với quả Phật gọi là Ứng nhân.

- Nhân khác loại: Thật tu các hạnh để làm Ứng nhân, chỉ trong Ứng có hai thứ: một là Pháp Ứng, khởi theo Phật Pháp, hai là Báo ứng từ Phật Báo sinh, đã như nói ở trên.

Hai Ứng này duyên chánh đều khác nhau.

Nếu nói về Pháp Ứng, pháp môn duyên khởi trong Như Lai Tạng dùng làm chánh nhân, nguyện lực đại bi dùng làm duyên, thí như gương và nước tuy hiện hình tượng nhưng phải nhờ mặt, khe hang phát ra tiếng vang phải nhờ âm thanh, hỏa châu phát lửa phải nhờ mặt trời, thủy châu phát ra nước phải nhờ mặt trăng. Tình huống như thế, pháp môn Tam-muội tuy hiện Ứng thân cần nhưng phải nhờ bi nguyện. Nên kinh nói, vì có pháp khác nên pháp khác sinh ra, vì không có pháp khác nên pháp khác mất đi.

Nếu nói về Báo thân, năng lực nguyện đại bi tuy sinh ra Ứng thân

nhưng phải nương nhờ pháp môn. Thí như hình chất sinh ra ảnh tượng phải nhờ gương và nước, âm thanh phát ra tiếng vang phải nhờ khe hang, mặt trời sinh lửa phải nương hỏa châu, tất cả như thế.

Ứng nhân như thế, Ứng thì mới khởi chẳng phải sẵn có, nên không nói liễu nhân. Trong pháp mới khởi, tùy nghĩa mà chia chia, chánh thì là sinh nhân, duyên tức là liễu nhân, cũng không hại gì.

5. Nói về nghĩa thường vô thường của ba thân Phật: Trong đây tiến lùi chia làm bốn:

1- Đối lý để luận: Ba thân Phật ở tại quả là vô thường, không như lý pháp chẳng phải nhân, chẳng phải quả, hoàn toàn là thường.

Vì sao ba thân Phật là vô thường? Ba thân Phật đều thuộc về đạo đế. Kinh Thắng-man nói: Ba đế Khổ Tập và Đạo là vô thường, nên biết ba thân Phật gọi là vô thường. Nghĩa này thế nào? Vô thường có hai: một là có bắt đầu, hai là có cuối cùng.

Nếu nói về Phật Ứng có bắt đầu, có cuối cùng nên nói vô thường. Phật Pháp và Phật Báo tuy không có cuối cùng nhưng có bắt đầu nên gọi là vô thường vì nói về thời đắc quả.

2. Phân biệt gốc khác ngọn. Phật Pháp là thường, Ứng và Báo là vô thường. Vì sao như thế? Vì Phật Pháp tuy là theo duyên mới hiển, tánh phát xuất từ xưa, thể chẳng phải duyên sinh, nên gọi là thường. Phật Báo và Phật Ứng xưa không nay có, do phương tiện tu mà sinh nên gọi là vô thường.

3- Phân biệt chân khác ứng. Phật Báo và Phật Pháp là thường, vì chẳng dời đổi, Phật Ứng vô thường vì hiện giống thế gian có khởi diệt.

4- Biện rõ đối vọng pháp sinh tử. Ba thân Phật đều là thường, pháp vọng sinh tử khi ngộ thì xả, một bề vô thường. Ba thân Phật là chân pháp chứng thật mà thành, một bề là thường.

Hỏi: Pháp Báo là thường, có thể được. Phật Ứng sinh diệt vì sao nói là thường?

Đáp: Dùng phạm để nói về Ứng thì có khởi đầu và có cuối cùng, Ứng thân sinh diệt nên nói vô thường. Theo Phật để nói về Ứng thân, hóa đức thường nhiên, không thời nào không làm nên được gọi là thường. Dụng hiện sinh thời nào cũng sinh, dụng hiện già thời nào cũng già, tất cả như thế. Cho nên ba thân Phật gọi là thường.

Nghĩa thường vô thường, tới lui như thế không có nhất định riêng.

6. Nói về nghĩa Phật nói và không nói:

Chia ra làm ba:

Nói theo tướng. Ứng Phật có nói, Pháp và Báo Phật không có nói. Ứng Phật tùy cõi giáo hóa mà giảng nói giáo lý nên có nói. Chân đức lia nơi năng nên Pháp Phật và Báo Phật không có nói.

Đưa hóa về gốc. Pháp và Báo Phật có nói, Ứng Phật không có nói. Tất cả lời nói của chư Phật đều từ năng lực của pháp môn Tam-muội mà khởi, là lời của Phật Pháp nói, từ viên âm ốc pháp mà khởi là lời của Phật Báo nói. Âm thanh thường tịch hằng hữu, viên thông vô ngại là pháp loa âm. Phật Ứng là chỗ thấy của chúng sinh, chẳng phải gốc khởi nên lời từ chư Phật Như Lai lẽ ra không gọi là nói. Luận chép Kim cang Bát-nhã: Ứng hóa chẳng phải chân Phật, cũng chẳng phải người nói pháp.

Nói về tướng chung. Cả ba Phật đều nói pháp, nghĩa này như kinh Lăng Già nói.

Hỏi: Ứng Phật nói những pháp gì?

Đáp: Nghĩa là nói pháp giáo hóa ba thừa, nơi trong giáo đạo nói tất cả thông, dùng giáo làm chính, gọi là nói giáo pháp.

Hỏi: Phật Báo nói những pháp gì?

Đáp: Nghĩa là nói pháp hạnh. Nghĩa là các Bồ-tát do hạnh tu thành tựu, vào cảnh giới Phật, báo thân chư Phật tướng hiện ở tâm kia, gọi là nói. Lại ở trong pháp loa viên âm, tùy vào tất cả các thứ pháp mà mỗi người nghe khác nhau.

Hỏi: Pháp thân Phật nói những pháp gì?

Đáp: Nghĩa là nói pháp chứng. Các vị Bồ-tát chứng nhập Phật pháp, Pháp thân chư Phật hiện ra trong tâm kia, nên gọi là nói. Lại do tất cả pháp lực Tam-muội, khiến người nghe tất cả các loại pháp khác nhau, cũng gọi là Nói. Như hang phát ra tiếng vang không có cùng tận.

Hỏi: Ba thân Phật đều hay nói pháp, vì sao đều không gọi là Ứng thân?

Đáp: So với ý nghĩa chư Phật vắng lặng bình đẳng không có nói năng, nếu có nói năng là vì tùy vật, đều được gọi là Ứng. Chỉ trong chỗ nói năng phân biệt theo tướng, Phật Ứng ẩn chân tùy vật nên gọi là Ứng; Pháp và Báo tuy nói mà hiển bày chân đức khiến người thú hưởng về, chẳng phải ẩn chân theo vật nên không gọi là Ứng.

7. Nói về thứ lớp:

Thứ lớp có hai:

- Thứ lớp quán nhập: Như Địa luận nói, Phật Ứng hiện thô, tùy hóa dễ quán trước rõ Ứng thân, tìm Ứng có gốc. Kế nói Báo thân, tìm Báo có gốc sau nói Pháp thân.

- Thứ lớp gốc ngọn: Pháp thân là gốc trước nói Pháp thân, y Pháp thân thành đức, kế nói Báo thân, nương đức khởi dụng sau nói Ứng thân.

Ba thân Phật sâu xa khó dùng tình thức so lường, chỉ nương những lời bàn bạc chú giải mà trình bày lại như thế.

3. NGHĨA BA TRÍ

Chia làm hai môn:

- 1- Nói về tướng
- 2- Nhiếp tướng

1. Nói về tướng:

Nghĩa của ba Trí xuất xứ từ Luận Địa Trì. Luận ấy nói: “Có ba thứ trí, gọi là Bồ-đề, ba thứ trí ấy là: Một Trí Thanh Tịnh, hai Trí Nhất thiết, ba Trí Vô ngại ”.

Trí Thanh Tịnh là trí đệ nhất nghĩa của Phật, quán đệ nhất nghĩa lìa dứt phiền não kiết sử năm trụ tánh, lìa chướng không nhiễm gọi là thanh tịnh. Trí Nhất thiết và Trí Vô ngại là trí thế đế của Phật. Trong thế đế biết rõ bốn loại tất cả pháp tướng gọi là Trí Nhất thiết. Bốn thứ tất cả là tất cả thời, tất cả giới, tất cả sự và tất cả Chủng.

Tất cả thời là ba đời: quá, hiện, vị. Nơi ba đời này, trí thông đạt không sót gọi là trí Nhất thiết. Tất cả giới là thế giới và chúng sinh giới, ở hai giới này biết khắp không sót gọi là trí Nhất thiết. Tất cả sự là hữu vi sự và vô vi sự; sắc pháp, tâm pháp, phi sắc tâm pháp là hữu vi, giải nghĩa như trên; hư không số diệt và phi số diệt là vô vi cũng giải nghĩa như trên. Đối với hai sự này biết cùng tận gọi là Trí Nhất thiết. Tất cả chủng là nhân quả. Trong pháp hữu vi có nhân có quả, thiện ác là nhân, khổ vui là quả, trong pháp vô vi có nhân có quả, Thánh đạo là nhân Niết-bàn là quả. Đối với từng pháp nhân quả riêng loại này, biết rõ cùng tột gọi là Trí Nhất thiết.

Trong các kinh luận khác Trí đệ nhất nghĩa gọi là Trí Nhất thiết, trí biết thế đế gọi là Tất cả chủng. Nay ở đây nói Trí đệ nhất nghĩa là Trí Thanh Tịnh; Trí thế đế là Trí Nhất thiết. Tên gọi qua lại đều đúng.

Trí Vô ngại đối với bốn thứ tất cả pháp ở trước, phát tâm liền biết, không nhờ phương tiện, không giống người khác suy nghĩ mới biết, gọi

là Trí Vô ngại.

2. Nhiếp tướng

Đối với các trí khác cùng thâm nhiếp, trong đây có bốn:

Đối ba thứ Bát-nhã cùng thâm nhiếp.

Đối đại phẩm ba trí cùng thâm nhiếp.

Đối Niết-bàn ba trí cùng thâm nhiếp.

Y cứ theo bốn vô ngại tuệ cùng thâm nhiếp.

Đối với ba thứ Bát-nhã cùng thâm nhiếp

1. Ba thứ Bát-nhã, như Long Thọ nói:

- Bát-nhã Quán Chiếu trí tuệ chứng không, trí liễu đạt hai đế.

- Bát-nhã Văn Tự, nghĩa là kinh Bát-nhã, Bát-nhã này có khả năng giải thích Bát-nhã, sinh ra Bát-nhã nên gọi là Bát-nhã.

- Bát-nhã Thật tướng, là Chân đế không, nói chung thì pháp tướng nhị đế đều đúng. Bỏ tình giữ pháp nên nói là Thật tướng. Ở đây chẳng phải Bát-nhã, là cảnh Bát-nhã, năng sinh Bát-nhã nên gọi là Bát-nhã.

2. Ba thứ trí: Ở trước đều xếp vào ba thứ Bát-nhã này, là thuộc về Bát-nhã Quán Chiếu thứ nhất, chẳng phải hai Bát-nhã sau, vì kia chẳng phải trí, nên ba trí không xếp vào đó.

Đối với ba thứ trí của Đại Phẩm, cùng thâm nhiếp.

Nói ba trí là:

Trí Nhất thiết. Các Thanh văn, Duyên giác biết rõ tất cả ấm, giới, nhập gọi là Trí Nhất thiết.

Trí Đạo Chứng. Các Bồ-tát biết rõ các chủng loại khác nhau về con đường giáo hóa chúng sinh, gọi là trí đạo chứng.

Trí Tát-bà-nhã, dịch là Trí Nhất Thiết Chứng, các Đức Phật biết rõ tất cả các pháp nhị đế, gọi là Tát-bà-nhã.

Ba trí trước xếp vào ba trí này, thuộc về Tát-bà-nhã, chẳng phải hai thứ kia, vì hai trí ấy ở nhân không ở quả.

3. Đối với ba thứ trí của Niết-bàn, cùng thâm nhiếp:

Bà-nhã, Hán dịch là Tuệ

Tỳ-bà-xá-na, dịch là Quán

Xà-na, dịch là Trí.

Kinh ấy chia ra hai môn:

Phân biệt đứng về nhân thì Bát-nhã là tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh đồng có tuệ số, nên gọi là Bà-nhã; Tỳ-bà-xá-na thì Thanh văn, Duyên giác quán bốn Đế, mười hai nhân duyên nên theo Nhị thừa nói là Tỳ-bà-xá-na; Xà-na thì chư Phật Bồ-tát có khả năng liễu đạt tất

cả pháp giới nên gọi là Xà-na. Nếu theo môn này thì ba trí trước đều xếp vào đây, đều thuộc về Xà-na, chẳng phải hai thứ kia, vì Bà-nhã, Tỳ-bà không ở tại Phật.

Phân biệt theo pháp, Bà-nhã là biệt tướng riêng, quán biết rõ thế đế; Tỳ-bà-xa-na là tướng chung, quán biết đệ nhất nghĩa đế; Xà-na phá tướng, quán là quán Sát nhất thật tướng phá lìa tướng nhị đế hữu vô. Nếu theo môn này, ba trí trước và ba trí này cùng thâm nhiếp thì Tỳ-bà-xà-na và Xà-na thuộc về Trí Thanh Tịnh ở trước, vì đồng quán lý lìa nhiễm chướng. Trí Nhất thiết và Trí Vô ngại thuộc về Bà-nhã, vì rõ biết được tướng riêng.

4. Đối với bốn vô ngại biện, cùng thâm nhiếp:

Pháp, Nghĩa, Từ, Nhạo là bốn biện tài, nghĩa đã giải thích ở trên. Bốn biện này, ở tại Phật cùng thâm nhiếp ba trí, ở nhân thì không nhiếp. Theo quả tức gọi là dùng cầu bốn tuệ vô ngại, nhiếp trí Vô ngại trong ba trí trước. Tùy nghĩa đạt được vi tế, bốn trí Vô ngại có nhiều thứ, như Địa Kinh nói. Nếu y theo thế đế để nói về bốn vô ngại, thì bốn vô ngại này thuộc về Trí Nhất thiết, Trí Vô ngại, vì cùng biết pháp thế đế. Nếu theo chân đế, lý pháp tánh gọi là pháp vô ngại, thì pháp vô ngại là thuộc về Trí Thanh Tịnh; còn ba vô ngại kia thuộc về Trí Nhất thiết và Trí Vô ngại. Nếu nói rõ biết đệ nhất nghĩa đế là nghĩa vô ngại, thì nghĩa vô ngại là Trí Thanh Tịnh, còn ba vô ngại kia là thuộc về trí Nhất Thiết và Trí Vô ngại.

4. NGHĨA BA THỨ KHÔNG NGĂN NGỪA

Như trong kinh nói, ba nghiệp của Phật thuần tịnh lìa lỗi không cần ngăn ngừa gọi là ba không ngăn ngừa. Các vị Ala-hán, ba nghiệp tuy thanh tịnh nhưng thường phải đề phòng mới có thể lìa lỗi. Chư Phật khác với các vị ấy cho nên nói “ba thứ không đề phòng”.

Hỏi: Nhân duyên gì mà thân miệng ý nghiệp của Phật không cần đề phòng?

Đáp: Vì lâu xa tu tịnh giới nên thành tựu giới tánh, vì thường ở trong định sâu không hề ra khỏi, vì ba nghiệp thường tùy trí tuệ, vì trụ Đại Niết-bàn vắng lặng hẳn, cho nên ba nghiệp không cần đề phòng.

Nghĩa ba không đề phòng, nói sơ lược như thế.

5. NGHĨA BA NIỆM XỨ

Ba niệm xứ, như trong kinh nói: Tất cả chúng sinh là cảnh giới nghĩ nhớ của chư Phật, gọi là niệm xứ. Niệm xứ khác nhau, tùy cảnh

chia làm ba:

- 1- Chánh chúng.
- 2- Tà chúng.
- 3- Chẳng phải chánh chẳng phải tà.

Như Lai tự biết pháp mình cao siêu nhưng đối với chúng sinh thọ pháp không sinh tâm vui, đó là niệm xứ thứ nhất. Đối với chúng sinh không thọ pháp không sinh tâm giận, đó là niệm xứ thứ hai. Đối với chúng sinh trung dung không thọ pháp, cũng chẳng không thọ pháp, không sinh nghi xả thường được tâm thanh tịnh, đó là niệm xứ thứ ba. Đối với chúng tà chánh đã chia ba, đối với ba hạng oán thân cũng chia làm ba. Với oán không sân là niệm xứ thứ nhất, với thân không yêu là niệm xứ thứ hai. Với người trung dung không sinh tâm si, là niệm xứ thứ ba.

Hỏi: Nhân duyên gì mà Như Lai được ba niệm xứ?

Đáp: Vì đã lâu xa tu tập tâm bình đẳng đại xả đối với chúng sinh, vì quán sâu chúng sinh không ngã nhân, vì rõ biết các pháp tánh vắng lặng, nên đối với chúng sinh được tâm bình đẳng.

Nghĩa của ba niệm xứ, nói sơ lược như thế.

6. NGHĨA BỐN THỨ TẤT CẢ CHỨNG TỊNH

Bốn thứ tất cả chứng tịnh, như Địa Trì nói, đức của Phật lia cấu gọi là tịnh, Tịnh chia phân theo nghĩa có bốn:

- 1- Thân tịnh.
- 2- Cảnh giới tịnh.
- 3- Tâm tịnh.
- 4- Trí tịnh.

Bốn thứ này gạn cho cùng cội gốc chỉ có thân và tâm, hai thứ đầu là thân, hai thứ sau là tâm; chỉ đứng về thân cảnh thể không đồng nên chia làm hai, trong tâm theo phước trí khác nhau lại chia làm hai, nên hợp lại thành bốn.

1. Nói thân tịnh: là thân do phiền não nhóm đã diệt hẳn không còn sót, được thân trên hết sinh tử tự tại nên gọi là Thân tịnh. Thân phiền não diệt được thân trên hết là thân tịnh chân thật, sinh diệt tự tại là ứng thân tịnh. Lại nữa, được thân trên hết là thân thể tịnh, sinh diệt tự tại là Thân dụng tịnh.

2. Cảnh giới tịnh: là các thứ hiện hóa và chỗ nói năng được vô ngại tự tại gọi là cảnh giới tịnh. Các thứ hiện hóa là thân cảnh giới, lời nói năng là khẩu cảnh giới. Lại nữa, các cảnh giới hiện hóa là sự cảnh

giới, và lời nói năng là lý cảnh giới. Đối với cảnh giới này tác dụng tự tại trong duyên không chướng gọi là Cảnh giới tịnh.

3. Tâm tịnh: là nói về Phật phước đức trang nghiêm thanh tịnh, tất cả phước đức lấy tâm làm chính, y theo chính để phô bày nên nói tâm tịnh. Địa Trì nói phiền não đều lìa gốc lành thành tựu gọi là Tâm tịnh. Phiền não đều lìa là dứt đức tịnh, gốc lành thành tựu là hạnh đức tịnh.

4. Trí tịnh: là nói về Phật trí tuệ trang nghiêm thanh tịnh, luận Địa Trì nói xả lìa tất cả vô minh ô uế, tất cả sở tri vô ngại tự tại, gọi là trí tịnh. Xả lìa tất cả vô minh ô uế là trừ vô minh địa, chân đế trí tịnh, tất cả sở tri vô ngại tự tại đoán sự, vô tri là trí thế đế tịnh.

7. NGHĨA HAI TRÍ

Hai trí gồm:

- 1- Trí thật.
- 2- Trí phương tiện.

1. Trí thật: Thường giải thích có hai:

Đối với các pháp biết rõ như thật gọi là Thật trí, chẳng phải chẳng biết mà dối nói là biết. Luận Địa Trì nói: “Lìa trí tăng thượng mạn gọi là Trí Như thật”. Trí Như thật này đối lại với mạn tâm vọng trí, không đối với trí phương tiện. Trong môn này, trí nhất thiết của Phật đều gọi là Thật Trí, không phân biệt phương tiện.

Biết Thật pháp gọi là trí Thật, ở đây chia ra năm nghĩa.

Nói thật đối với vọng. Biết pháp Như Lai Tạng chân thật gọi là trí Thật. Biết pháp khởi từ vọng tưởng gọi là trí Vọng, như biết khổ đế gọi là trí Khổ. Tất cả như thế. Trong môn này, trí Thật đối với trí Vọng, không đối với phương tiện.

Nói thật Đối giả. Biết pháp đệ nhất nghĩa chân đế gọi là trí Thật. Biết pháp thế đế giả danh gọi là trí Giả. Trong môn này trí Thật đối với trí Giả, không đối với phương tiện.

Nói thật Đối tướng. Biết pháp nhất thật đế thật tánh gọi là trí Thật. Biết pháp tướng Nhị đế có không gọi là trí Tướng. Trong môn này trí Thật đối với trí Tướng, cũng có thể nói đối với đệ nhất nghĩa thế trí, không đối với phương tiện.

Nói thật Đối giáo. Chứng thật pháp tánh gọi là trí Thật, tìm ngôn học giáo gọi là trí Giáo. Trong môn này trí Thật đối với trí Giáo, không đối phương tiện, nếu nói trí giáo cho là phương tiện cũng không sao.

Nói thật Đối quyền. Biết pháp nhất thừa chân thật gọi là trí Thật, biết pháp Ba thừa quyền hóa gọi là trí Phương tiện. Trong môn này trí

Thật đối với trí Phương tiện.

Nay nói về trí Thật là y cứ vào điều sau cùng.

2. Trí phương tiện: Giải thích thông thường có bốn:

1. Phương tiện Tấn Thú: Như địa vị trước khi kiến đạo, bảy phương tiện v.v... tiến hướng đến quả, là nguyên do chứng quả nên gọi là phương tiện. Phương tiện này đối với quả, không đối với trí Thật, nếu cho quả đức là thật cũng không hại gì.

2. Phương tiện Trí Tạo: Như Phương tiện Ba-la-mật trong mười Ba-la-mật, là phương tiện khéo léo của chỗ tu hành, nên gọi là phương tiện. Phương tiện này có ba thứ:

- Phương tiện Giáo hạnh, khéo léo trong sự, như luận Địa Trì nói, mười hai phương tiện khéo léo là việc này.

- Phương tiện Chứng hạnh, quán không chẳng đấm, như Địa Kinh nói mười tuệ phương tiện là nghĩa này.

- Phương tiện Bất trụ, đối với thế và xuất thế, khéo léo cùng thực hành, như Địa Luận nói đối với phương tiện thế, xuất thế chẳng nhiệm, vì khéo léo trụ, đó là nghĩa như thế.

Cả ba đều là Thí Tạo Phương tiện, phương tiện này đối lại với ngu đốt không phương tiện, không đối với trí Thật.

3. Phương tiện Tập Thành: Các pháp đồng thể khéo cùng tập thành nên gọi là phương tiện. Thế nào là khéo thành? Trong nhất chân tâm có đủ hằng sa Phật pháp trong pháp giới. Các Phật pháp này vì đồng thể dùng tuệ làm môn nên các pháp khác giúp thành. Tất cả như thế do pháp đồng thể cùng khéo tập thành nên gọi là phương tiện. Địa Luận nói pháp này khéo léo thành thể nên gọi là Phương tiện. Lại trong Địa Kinh nói, tất cả hạnh tướng chung tướng riêng tướng đồng, khác, tướng thành, tướng hoại mà làm phương tiện, đây cũng là tập thành phương tiện ấy. Phương tiện này cùng đối lại với tất cả pháp ấm, giới, nhập v.v... không đối trí Thật. Địa luận nói về sáu tướng môn, nói trừ sự, sự là ấm, giới, nhập.

4. Phương tiện khéo léo. Thật không có việc này, chỉ quyền xảo lập bày nên gọi là Phương tiện, ở đây chia ra làm ba:

- Thân xảo: Nghĩa là Phật hóa hiện thân khỉ, vượn, nai, ngựa v.v...

- Khẩu xảo: Thật không có ba thừa, tùy hóa độ mà nói vậy.

- Ý xảo: Nghĩa là tuệ phương tiện, khởi lên hai thứ thiện xảo về thân, miệng như Kinh Pháp Hoa nói “Nhớ nghĩ năng lực phương tiện của chư Phật quá khứ, nay đạo mà ta đã đắc cũng nên nói Ba thừa”.

Nay nói ý xảo là trí phương tiện, trí phương tiện này đối lại với trí Thật ở trước.

8. NGHĨA BỐN TRÍ

Chia làm ba phần:

- 1- Nói về cảnh.
- 2- Phân biệt thể tướng.
- 3- Phân biệt theo tận trí, trí vô sinh.

1. Nói theo cảnh giới bốn Đế:

Bốn trí là: Ta sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, đó là bốn. Bốn trí này còn là trí bốn đế, trong trí bốn đế có hai loại:

Trí quán cảnh phàm thường, để cảnh bị quán không phân biệt tự tha.

Trí nội chứng của bậc Thánh vô học, tự chứng đã vắng lặng, khổ tập đã hết, tự giác đã tịch, diệt đạo đã mãn.

Nay nghĩa giải thích là môn thứ hai ấy. Trong bốn Đế, cái gì là trí biết khổ, cho đến cái gì là trí biết đạo?

Kinh luận nói khác nhau, có ba thuyết khác nhau.

a. Theo Luận Tỳ-bà-sa, ta sinh tử đã hết là trí dứt tập, tập nhân khởi lên quả khổ vị lai gọi là sinh, bậc vô học dứt xong gọi là ta sinh tử đã hết. Phạm hạnh đã lập là trí tu đạo, phạm là thanh tịnh, Thánh đạo vô lậu vì trừ được cấu nhiễm, ra khỏi chướng, được thanh tịnh, nên gọi là phạm hạnh. Bậc Thánh Vô học đạo hạnh đầy đủ gọi là đã lập. Việc làm đã xong là trí chứng diệt, dứt chướng chứng diệt là việc làm của các bậc ấy, bậc Thánh Vô học chứng diệt thành công gọi là việc làm đã xong. Không thọ thân sau là trí dứt khổ, khổ báo đời sau gọi là thân sau (hậu hữu) bậc Thánh Vô học đối với thân sau không còn thọ nữa, gọi là không thọ thân sau.

Hỏi: Kinh nói pháp Tứ đế, trước nói khổ tập, sau trình bày diệt đạo, nay nói bốn trí sao không y như thế mà trước nói dứt tập tu đạo, sau nói chứng diệt trừ khổ?

Đáp: Pháp môn nói có nhiều thứ không thể nhất định một pháp, kinh nói bốn Đế, theo môn hân yếm trước nhiễm sau tịnh, lại trong hân yếm, theo môn nghịch quán trước quả sau nhân. Bốn trí kia theo môn thuận quán trước nhân sau quả, do nghĩa này nên trước nói tập đạo, sau nói diệt khổ, theo nhân thì ở trước phải trừ chướng, sau mới khéo thành,

do nghĩa này nên trước nói dứt tập, sau bày tu đạo. Còn theo quả, thì trước diệt lỗi hiện tại, sau mới không gánh chịu quả khổ vị lai, do nghĩa này nên trước nói chướng diệt, sau nói dứt khổ.

b. Theo kinh Thắng-man thì ta sinh tử đã hết là trí dứt khổ, văn kinh ấy nói, trong hai thứ tử là phần đoạn tử nên nói ta sinh tử đã hết, khổ báo nhóm khởi lên gọi là sinh, vô học dứt xong gọi là ta sinh tử đã hết. Phạm hạnh đã lập là trí chứng diệt, văn ấy nói “được quả hữu dư chứng được phạm hạnh đã lập”. Phạm gọi là Niết-bàn, bậc Thánh vô học chứng phạm hạnh nên được gọi là phạm hạnh đã lập. Việc làm đã xong là trí tu đạo, tu đạo dứt chướng là chỗ làm kia, bậc Thánh Vô học tu đạo sự kiến lập gọi là việc làm đã xong.

Không thọ thân sau là trí dứt tập, văn kinh nói “Phiền não đã dứt không còn thọ thân sau”, gọi là không thọ thân sau. Tập nhân có ra quả đời sau gọi là hậu hữu, vô học dứt xong không còn sinh thân sau gọi là không thọ thân sau.

Hỏi: Kinh nói pháp môn Tứ đế trước nhiễm sau tịnh, trong nhiễm tịnh trước quả sau nhân, kia nói bốn trí vì sao không y theo đó mà trước nói về trừ khổ chướng diệt, sau mới nói tu đạo dứt tập?

Đáp: Ở đây cũng do bậc Thánh nói, vì khác nhau nên mới như thế. Pháp môn Tứ đế như đã nói ở trên, Thắng-man nói về nghĩa bốn trí y theo môn nghịch quán, trước quả sau nhân. Do nghĩa này trước nói về dứt khổ chướng diệt, sau mới nói về tu đạo dứt tập. Theo phần quả ở trước, phải trừ chướng trước, sau mới được diệt, do nghĩa này nên trước nói trừ khổ sau nói chướng diệt. Lại theo trong phần nhân ở sau, phải trước là tu trí, sau mới trừ chướng, do đó nên trước nói tu đạo sau nói dứt tập.

c. Theo văn kinh Niết-bàn, trong mỗi trí đều có hai nghĩa. Trong ta sinh tử đã hết nói về dứt tập cũng trình bày diệt khổ. Văn kinh ấy nói vì bằng dứt nhân duyên sinh tử trong ba đời cho nên xướng lời ta sinh tử đã hết, đó là dứt tập. Vì không còn thọ thân năm ấm cho nên xướng lời ta sinh tử đã hết, đó là diệt khổ. Nếu muốn giống như thuyết của Luận Tỳ-bà-sa nêu quả bày nhân, muốn giống như thuyết của Thắng-man thì nêu nhân bày quả.

Trong phạm hạnh đã lập trình bày cả hai diệt và đạo. Trong kinh Niết-bàn nói: “Chỗ tu phạm hạnh đã rất ráo cho nên xướng nói phạm hạnh đã lập”, là nói đạo viên mãn. Xả địa vị học đạo cũng gọi là “đã lập”, trình bày diệt đến chỗ rất ráo. Nếu muốn đồng với Luận Tỳ-bà-sa, nêu quả bày nhân; nếu muốn đồng với kinh Thắng-man, nêu nhân

bày quả.

Trong việc làm đã xong cùng trình bày về diệt và đạo. Văn kia nói: “Như chỗ cầu xưa, nay đã được, cho nên xưng nói việc làm đã xong”, là diệt hoàn toàn. Tu đạo được quả cũng gọi là “đã xong”, là đạo viên mãn. Nếu muốn đồng với Luận Tỳ-bà-sa nêu nhân bày quả, nếu muốn đồng với kinh Thắng-man thì nêu quả bày nhân.

Trong chẳng thọ thân sau nói về chỗ dứt tập, cũng nói về diệt khổ. Văn kia nói “vì được tận trí, trí vô sinh nên tuyên bố không thọ thân sau”, được tận trí là dứt tập, được trí vô sinh là diệt khổ, nếu muốn đồng với Luận Tỳ-bà-sa nêu nhân bày quả, nếu muốn đồng với Thắng-man thì nêu quả bày nhân.

Trên đây là bốn trí biện theo bốn đế, có ba thuyết khác nhau.

2. Nói về thể tướng:

Trước nói theo Tiểu thừa, sau nói theo Đại thừa.

Trong pháp Tiểu thừa, các bậc La-hán, Bích-chi-phật được bốn trí có thể có tướng. Thánh tuệ vô học là thể, tận trí, trí vô sinh là tuệ vô học, chính nói tuệ này là thể của bốn trí. Sau khi xuất quán rồi trong thế tâm tự duyên với Thánh tuệ sở đắc ở trước, sinh ý tưởng bốn trí rất ráo, là tướng bốn trí. Thể bốn trí ấy đầy đủ bốn nghĩa mà không có bốn duyên. Tướng bốn trí ấy đầy đủ bốn duyên mà không có bốn nghĩa.

Vì sao thể ấy đầy đủ bốn nghĩa mà không có bốn duyên? Vì Thánh tuệ vô học một niệm hiện tiền dứt được nhân quả của sinh tử vô thủ, gọi là “Ta sinh tử đã hết, không thọ thân sau”. Không trí này hiện tức là đạo viên mãn chứng diệt đã tột cùng gọi là “phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong”. Cho nên thể này đầy đủ bốn nghĩa, tuy đủ nghĩa này mà tâm không phân biệt ta sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau, cho nên thể này không có bốn duyên. Do Thánh tuệ này chánh quán đế lý nên chẳng có duyên khác.

Vì sao tướng ấy có đủ bốn duyên mà không đủ bốn nghĩa? Vì bậc Thánh vô học ra khỏi lý quán trong thế tâm tự duyên với Thánh tuệ đã được ở trước sinh ra tưởng tứ trí rất ráo rắng, ta vừa rồi khi được Thánh tuệ này ta sinh tử đã hết phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong không thọ thân sau, nên có bốn duyên. Tuy tạo bốn duyên này mà thế tâm không thể khiến cho sinh đã tận, cho đến không thể khiến cho chẳng thọ thân sau, vì nghĩa này nên không đủ bốn nghĩa.

Trong pháp Đại thừa, chư Phật có bốn trí cũng có thể và tướng. Chứng tuệ như thật là thể ấy. Trong tâm thế đế duyên với chỗ sở đắc

sinh ra tướng rất ráo, là tướng ấy. Thể và tướng này thô đồng với Tiểu thừa, nhưng trong Tiểu thừa thể tướng có trước sau, nhập quán gọi là Thể, xuất quán là Tướng. Trong pháp Đại thừa thể tướng đồng thời. Phật đối với Nhị đế quán cả hai hiện tiền không xuất nhập, nên trong khi đồng thời, trí chân đế gọi là Thể, thể quán gọi là Tướng.

Trong thể ấy cũng có đủ bốn nghĩa nhưng không đủ bốn duyên, trong tướng ấy cũng đủ bốn duyên mà không đủ bốn nghĩa.

Thể nào là trong thể đủ bốn nghĩa mà không đủ bốn duyên? Tuệ như thật ấy khi một niệm hiện tiền, có thể bật dứt nhân quả sinh tử vô cùng, gọi là “ta sinh tử đã hết không thọ thân sau”. Khi được tuệ này đạo hạnh đã tròn, chứng diệt đã tốt, gọi là “phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong”. Vì vậy có đủ bốn nghĩa, tuy đủ nghĩa này mà tâm chứng như thật, chính ra hòa lẫn với lý, không có tâm phân biệt ta sinh tử đã hết phạm hạnh đã lập, v.v..., cho nên không đủ bốn duyên.

Thể nào là tướng ấy đủ bốn duyên mà không đủ bốn nghĩa? chư Phật Như Lai đối với thế đế, tự duyên đã vắng lặng, Thánh tuệ đã được nghĩ là bốn trí hoàn toàn, rằng “ta sinh tử đã hết cho đến không còn thọ thân sau”, cho nên có đủ bốn duyên, nhưng đối với thế tâm này không thể khiến cho sinh đã hết, v.v... cho đến không thọ thân sau, nên không đủ bốn nghĩa.

3. Phân biệt theo tận trí, trí vô sinh:

Trước nói về nghĩa Tận trí, trí Vô Sinh, Sau phân biệt đối với bốn trí.

1. Tận trí, trí Vô Sinh: Kinh luận nói khác nhau, theo A-tỳ-đàm, thì hiện dứt tất cả nhân quả sinh tử đều gọi là Tận trí. Tận trí này người độn căn, lợi căn đều được, tất cả Vô học đều có hiện tiền vì có chỗ dứt. Trí Vô Sinh là đối với nhân quả sinh tử được dứt trừ ở trước, quyết định tự có thể không bao giờ sinh khởi lại, gọi là trí Vô Sinh. Trí Vô Sinh này chỉ có lợi căn được, người độn căn không được. Luận nói, người độn căn có nghĩa lui sụt, tùy theo chỗ dứt gặp phương tiện lại khởi, do nghĩa này không có trí Vô Sinh. Người lợi căn không lui sụt, tùy theo chỗ dứt không bao giờ khởi lại, vì vậy mà có trí Vô Sinh.

Nghĩa như thế, thể tướng ra sao? Người độn căn tâm vô học khởi nhiều niệm nối tiếp gọi là trí Tận. Người lợi căn tâm vô học khởi niệm ban đầu gọi là trí Tận, niệm thứ hai gọi là Vô Sinh. Nhưng trí Tận chính duyên đế lý hay có chỗ tận, nên gọi là trí Tận, chẳng phải duyên tận. Vô Sinh cũng thế, chính duyên đế lý khiến cho chỗ dứt sau không khởi

lại, nên gọi là Vô Sinh, chẳng phải duyên Vô Sinh.

Hỏi: Hai trí này duyên đế nào?

Đáp: Trong Luận Tỳ-bà-sa có nhiều chỗ nói. Một nhà nói rằng, chỉ duyên khổ đế. Vì sao? Vì khi mới vào Thánh, trước duyên khổ đế, nên sau khi ra trở lại duyên khổ đế, như người uống thuốc, ban đầu bệnh nhập, sau cùng bệnh xuất. Một nhà nói, nhiếp ở tập đế. Vì sao? Vì không mới vào Thánh trước duyên theo quả, sau khi xuất Thánh cần duyên ở nhân, nên duyên Tập đế. Một nhà nói, khổ tập không nhất định. Một nhà nói, bốn Đế không nhất định, Luận Tỳ-đàm nói như thế.

Nếu theo Luận Thành Thật, tất cả vô học đều không có lý lui sụt, không thể phân biệt theo lợi độn, chỉ biết dứt trừ nhân sinh tử gọi là trí Tận, dứt quả sinh tử, không bao giờ còn thọ lại, gọi là trí Vô Sinh.

Trong pháp Đại thừa cũng thế, vì Phật không lui sụt.

Trí Tận, trí Vô Sinh cũng giống như thế.

2. Phân biệt về bốn trí: Nếu theo Luận Thành thật nói thì Ta sinh tử đã hết trong bốn trí thuộc về trí Tận, không thọ thân sau là trí Vô Sinh.

Đại thừa cũng như thế, cũng có thể trong Đại thừa nói Ta sinh tử đã hết là trí Vô Sinh, Thắng-man nói vì là trí dứt khổ. Nói không thọ thân sau là trí Tận, Thắng-man nói là dứt tập.

Nếu theo Luận Tỳ-đàm, trong trí Tận có đủ bốn trí, trí Vô Sinh cũng vậy. Nếu bằng nhau vì sao phân biệt trí Tận, trí Vô Sinh? Như Long Thọ nói, trình bày tự chứng ta sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau là trí Tận. Người lợi căn đối với sở đắc trên, khởi ý quyết định chắc chắn rằng: “ta sinh tử đã hết, chẳng sinh trở lại, phạm hạnh đã lập, không cần tu nữa, việc làm đã xong, không bao giờ còn tạo tác, không thọ thân sau, không bao giờ còn thọ lại”. Khởi những ý quyết định như thế gọi là trí Vô Sinh.

9. NGHĨA BỐN THỨ KHÔNG SỢ

Chia ra bảy phần:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về thể tánh, nói về cảnh cụ.
- 3- Phân biệt trí dứt.
- 4- Phân biệt tự lợi và lợi tha.
- 5- Gá đối để nói về đức.
- 6- Y theo mười sáu năng lực nói về đồng và khác.
- 7- Chỗ trình bày của đại, tiểu khác nhau.

1. Giải thích tên gọi:

Biết tâm không khiếp sợ gọi là không sợ (Vô Úy), tùy theo nghĩa chia không sợ thành bốn:

- Trí biết tất cả không sợ.
- Lậu tận không sợ.
- Nói được chướng đạo không sợ.
- Nói được đạo tận khổ không sợ.

Chiếu soi khắp các pháp gọi là Trí Nhất thiết, duyên trí của tự mình đối với bên ngoài không khiếp sợ gọi là Trí Nhất thiết vô úy. Kiết sử ngu si đã hết, gọi là lậu tận, chiếu soi tự mình đã được lậu tận, đối với kẻ khác không khiếp sợ gọi là lậu tận vô úy. Có thể diễn bày chướng lỗi lầm gọi là năng thuyết đạo chướng đạo, duyên tự mình có khả năng, đối với người không khiếp sợ gọi là Thuyết đạo tận khổ không sợ. Hai loại sau tự duyên nơi mình đối với người không sợ, chẳng phải duyên và đoạn trí đệ tử.

Danh nghĩa như thế

2. Nói về thể tánh, nói về cảnh cụ:

1- Thể tánh có hai:

- a- Trí thể.
- b- Tâm thể.

Nội chiếu tự mình đủ bốn công đức thật có chẳng đối là Trí.

Bên ngoài đối với các lời vặn hỏi bình tĩnh chẳng sợ là Tâm.

Như trong luận nói:

Trí quang chiếu khắp gọi là Trí không sợ.

Mạnh mẽ không sợ gọi là Tâm không sợ.

Hỏi: Không sợ dùng trí làm thể, trí là tâm sở tuệ, dùng tâm làm thể, tâm là tâm sở nào?

Đáp: Theo Luận Tỳ-đàm, trong pháp tâm sở không có lập riêng một tâm sở vô úy. Suy theo nghĩa này, hễ là cơ sở, thuộc về khổ, còn tất cả không sợ thuộc về lạc thọ. Nếu theo một số nhà kiến lập nhiều tâm sở, thì úy và vô úy đều là tâm sở riêng.

Thể tánh như thế.

2. Đối với thể này để nói về cảnh cụ, cảnh cụ không nhất định tướng trạng như thế nào, nếu nói lấy trí tuệ làm thể, y cứ theo thể này nói về nghĩa có bốn:

- 1- Thể.
- 2- Dụng.

3- Cảnh.

4- Duyên.

- Thể là trí nội chiếu, nội chiếu tự mình có trí có tận và có hai khả năng.

- Dụng là tâm không khiếp sợ, do trước biết thể, biết tự mình có đức, đối với nạn bên ngoài khởi dụng mạnh mẽ không khiếp sợ.

- Cảnh là bốn đức vô úy của chính mình, bốn trí và đoạn cùng với hai khả năng là sở chiếu của trí, nên gọi là Cảnh.

- Duyên là bốn vấn hỏi của ngoại đạo, nhờ nạn ấy để nói lên đức của Phật, bốn thứ của họ là duyên để hiển bày đức, nên gọi là Duyên.

Nếu nói tâm mạnh mẽ không khiếp sợ, lấy đó làm thể, đối thể này nói về nghĩa cũng có bốn:

1- Thể.

2- Dụng.

3- Cảnh.

4- Cụ.

- Thể là tâm không khiếp sợ, tâm này chính là nghĩa vô úy nên gọi là thể.

- Dụng là trí nội chiếu, do chiếu tự biết mình có đức thật, đối với người không khiếp sợ, nên gọi là Dụng.

- Cảnh là bốn câu hỏi vặn của ngoại đạo, tâm vô úy chính duyên với nạn ấy mà không khiếp sợ nên gọi nạn ấy là cảnh.

- Cụ là tự mình có bốn đức vô úy, giữ bốn đức ấy đối với người không khiếp sợ nên gọi đức của mình là cụ.

3. Phân biệt trí - dứt:

Phân chia thô theo tướng chung, vô úy thứ hai là dứt trừ, thứ ba là trí. Tùy phân biệt tế, hai vô úy đầu là tự đức, hai vô úy sau là lợi tha. Trong tự đức, vô úy đầu là trí, vô úy sau là dứt. Trong lợi tha, hay nói chướng đạo, nói chướng chỉ cho người khiến người dứt trừ, khiến người được dứt. Nói được tận đạo, nói đạo chỉ cho người khiến người tu học, khiến họ được trí. Nếu theo luận Đại Trí thì nói: “Nói được chướng đạo khiến người biết chướng, trừ chướng được đạo, được đạo là trí. Hay nói tận đạo khiến người biết đạo tận khổ, tu để dứt khổ, dứt khổ là Đoạn.

Trí và dứt như thế.

4. Phân biệt hai hạnh tự lợi - lợi tha:

Phân biệt tùy tướng, hai pháp đầu là tự lợi, hai pháp sau là lợi tha.

Luận Địa Trì nói, hai pháp đầu là tự an đạo, hai pháp sau là an tha đạo. Nói chung thì cả bốn đều là tự lợi, vì tự tâm an ổn không sợ hãi. Chung hết cũng là lợi tha như Luận Địa Trì nói, đứng về lợi tha, không sợ ban đầu là Trí Nhất thiết vô úy riêng hóa Bồ-tát, vì các Bồ-tát cầu Trí Nhất thiết nên giáo hóa riêng cho, luận Địa Trì nói: “Trí Nhất thiết vô úy vì giáo hóa các Bồ-tát Đại thừa”. Lộ Tận Vô Uy giáo hóa riêng Nhị thừa, vì người Nhị thừa phần nhiều cầu vắng lặng nên giáo hóa riêng cho, luận Địa Trì nói: “Lộ tận vô úy vì hóa độ các Thanh văn, Duyên giác”. Hai vô úy còn lại hóa độ chung cả Đại, Tiểu. Hàng Đại thừa và Tiểu thừa đều cầu lìa chướng nên nói chướng đạo cho họ dứt trừ; đều cầu đạo xuất cho nên nói đạo dứt khổ cho họ tu học. Địa Trì nói, Phật vì các Bồ-tát, Thanh văn thật hành đạo xuất khổ, cho nên nói kinh. Nhà kết tập kinh chia thành hai tạng, nói về những sở hành của Thanh văn là tạng Thanh văn, nói tất cả sở hành của Bồ-tát là tạng Bồ-tát.

Phân biệt tự lợi, lợi tha như thế.

5. *Gá đối hiển đức:*

Nói chung thì tất cả đức của Phật vượt hơn tất cả. Tùy tướng phân biệt thì bốn vô úy là phần lớn đối với ngoại đạo. Mười lực đối với ma, mười tám pháp bất cộng đối với Nhị thừa, nghĩa này như đã nói trong Địa Luận. Vì sao bốn vô úy chỉ đối với ngoại đạo? Ngoại đạo tà trí vặn hỏi Phật không có đức, bốn vô úy kia trình bày chính mình có đức để lật đổ tà nạn ngoại đạo, nên bốn vô úy chỉ đối với ngoại đạo. Vì sao mười lực chỉ đối với các ma? Ma sinh cấu tặc phá hoại gốc lành của người, mười lực vững chắc không bị ma phá hoại nên đối riêng. Địa Trì nói: “Đối với tất cả ma, xả bỏ được thắng, gọi là Lực”. Vì sao mười tám pháp bất cộng chỉ đối với Nhị thừa? Nhị thừa đức nhỏ tiếm lạm Như Lai nên nói bất cộng, giản biệt nhị thừa nên riêng đối.

Hỏi: Trước nói ngoại đạo tà trí vặn hỏi Phật không có đức, Phật dùng bốn vô úy để đối phó trái ngược. Vì sao ngoại đạo vặn hỏi Phật không có đức? Như Lai làm sao giải đáp?

Đáp: Ngoại đạo chấp dấu vết để vặn hỏi, Như Lai hiển bày chân thật để giải thích.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo mà nạn Như Lai không có trí Nhất thiết?

Đáp: Như Lai có lúc nói, trong Tích dướng như không có đủ trí Nhất thiết chủng, nên ngoại đạo lấy đó để vặn hỏi. Nghĩa này thế nào? Như Lai hoặc có khi gặp các đệ tử xa đến, Phật bèn hỏi: “Phương ấy có đi đứng an vui, đường xá mát mẻ, bốn đại an ổn chăng?”. Trong kinh

Phật nói, nếu người đến chỗ thành ấp xóm làng, hỏi tên tuổi họ, ta nói người ấy chẳng phải trí Nhất thiết. Vì câu hỏi trên, dường như Phật vô trí. Ngoại đạo chấp điều này nên lấy đó để vặn hỏi, Phật đối với họ đáp rằng: “Ta tùy theo nghĩa an ổn của thế gian nên hỏi thăm an ủi, đệ tử từ xa đến không thể làm tỉnh, cho nên hỏi như thế, chẳng phải là không biết”. Thế gian cũng có khi biết mà cố hỏi, chẳng phải không biết, Phật cũng như vậy khi đáp lại bất bẻ này, đối với kẻ khác không sợ, cho nên nói trí Nhất thiết vô úy.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo vặn hỏi Như Lai các lậu không dứt?

Đáp: Như Lai có khi nói, trong Tích dường như các lậu không tận, cho nên gạn hỏi.

Nghĩa này thế nào?

Như Lai có khi dùng lời mềm mỏng với La-vân, dường như có tham đắm; có khi trách mắng Điều-đạt dường như có sân, hoặc có khi tự khen ngợi như hoa và voi trong loài người dường như có kiêu mạn, lại dạy đệ tử khéo giữ gìn pháp ta như giữ bình dầu dường như có kiết sử.

Ngoại đạo chấp mấy điều này nên gạn lại Như Lai các lậu không sạch hết. Phật đối lại giải thích rằng: “Ta không có phiền não, tùy giáo hóa cho nên như thế. Hoặc vì có chúng sinh theo lời dụ dàng mới thọ pháp, vì thế nên nói mềm mỏng với La-vân, chẳng phải tham đắm. Hoặc có chúng sinh dùng lời thô mới chịu kỷ luật, do đó nên trách mắng Điều-đạt, chẳng phải có sân.

Vì muốn chúng sinh khởi tâm niệm Phật nên mới tự khen như hoa chúa, voi đầu đàn chẳng phải có kiêu mạn, lại đức của Phật nhiều cho nên chẳng phải mạn, tùy theo phong tục ở thế gian, nói giữ gìn pháp ta như giữ bình dầu chẳng phải là có kiến chấp”. Thế gian cũng có người không phiền não mà nói dường như phiền não, Phật cũng như thế. Khi giải thích vặn hỏi này, đối với kẻ khác không khiếm sợ, cho nên nói Lậu tận vô úy.

Hỏi: Vì sao Ngoại đạo gạn Phật không thể nói chướng đạo?

Đáp: Hiện thấy các bậc Thánh đệ tử của Phật cũng còn phiền não, Phật không khéo nói những điều chướng cho họ dứt trừ, lại Phật tuy nói tham, v.v... làm chướng ngại Thánh đạo, nhưng các vị Tu-đà-hoàn, v.v... thường tỏ vẻ tham dục mà đắc Thánh đạo.

Nên biết Như Lai nói pháp chướng đạo mà không thể chướng đạo, vì không chướng đạo nên Phật nói không thể. Ngoại đạo chấp điều này nên lấy đó để bất bẻ. Phật đối với bất bẻ này giải thích: “Ta hay nói chướng cho người dứt trừ, chỉ vì các đệ tử năng lực chưa thể dứt, chẳng

phải ta không có khả năng, lại ta nói chướng đạo thật làm chướng đạo, nên luận nói “nếu tâm còn dục đạo pháp không khởi, trước cần dứt dục, sau mới được đạo”, chỉ vì các phiền não ngăn che mỗi khác, ví Tu-đà-hoàn, v.v... còn phiền não chướng ngại sự tu đạo mà không ngăn kiến đạo, vì không ngăn kiến đạo nên không ngại chỗ đắc đạo.

Vì chướng ngại tu đạo ta nói pháp chướng thật làm cho chướng đạo, vì thật chướng đạo nên ta nói là có thể”. Khi giải thích bắt bẻ này đối với người không khiếp sợ, nên nói là “Năng thuyết chướng đạo vô úy”.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo vặn hỏi Phật không thể nói đạo tận khổ?

Đáp: Hiện thấy các Thánh đệ tử của Phật, như Tu-đà-hoàn, v.v... tuy được quả Thánh cũng còn chịu khổ sinh tử chốn trời người, nên biết Như Lai nói đạo hết khổ không thể hết khổ, vì không hết khổ nên Phật nói không thể.

Ngoại đạo chấp điều này, nên lấy đó bắt bẻ. Phật đối với họ giải thích: “Ta nói Thánh đạo thật có thể dứt khổ, nhưng vì các đệ tử tu ít nên các khổ không hết, chẳng phải đạo không thể hết khổ, thí như thuốc bỏ tách có thể giải nhiệt, nhưng uống ít nên bệnh không hết nóng, chẳng phải thuốc không giải được. Cũng thế, vì đạo thật có thể hết khổ ta nói là có thể”. Khi giải trừ bắt bẻ này đối với người không khiếp sợ, cho nên lập “Nói được đạo hết khổ mà không sợ”.

6. Đối với mười lực nói về đồng và khác:

Mười lực:

- 1- Lực Xứ phi xứ.
- 2- Lực Tự nghiệp trí.
- 3- Lực Định.
- 4- Lực Căn.
- 5- Lực Dục.
- 6- Lực Tánh.
- 7- Lực Chí xứ.
- 8- Lực Túc mạng.
- 9- Lực Thiên nhân.
- 10 - Lực Lộ tận.

Mười lực này, nghĩa như giải thích ở sau, có điểm nào khác? Có điểm nào giống với vô úy Thánh lực?

Hỏi: Tương đồng ra sao?

Đáp; Như Tỳ-đàm nói, tướng thứ nhất là lực thứ nhất, tướng thứ

hai tức lực thứ mười, hai tướng còn lại giống như lực thứ hai và lực thứ bảy, đó gọi là Vô Úy an.

Luận tuy như thế, lại phải phân biệt.

Vô Úy thứ nhất có cảnh có thể, trí Nhất thiết của Phật là cảnh, nội chiếu tự mình có trí Nhất thiết là thể. Cảnh này và thể này đều thuộc về thể của lực thứ nhất vì Lực xứ phi xứ thuộc trí rộng.

Vô Úy thứ hai có cảnh có thể, đức lậu tận của Phật là cảnh, trí chiếu tận là thể. Cảnh vô úy thì thuộc về cảnh của lực thứ mười, vì cùng lấy lậu tận làm cảnh; thể thì thuộc về thể của lực thứ mười vì cùng lấy trí chiếu tận làm thể.

Cảnh và thể này tuy là tương dường nhưng rộng hẹp khác nhau. Thể tánh của Vô Úy chỉ tự tri tận, nghĩa nó hẹp; thể của lực thứ mười luôn cả quán cảnh, nghĩa nó rộng.

Hỏi: Vì sao rộng?

Đáp: Như luận Địa Trì nói, lực thứ mười tự biết lậu tận, biết người lậu tận, biết phương tiện lậu tận đã khởi hay chưa, cũng biết tâm tăng thượng mạn lậu tận có khởi hay không nên gọi là rộng.

Vô Úy thứ ba có cảnh có thể, hay nói chướng đạo là cảnh, chiếu soi tự mình có khả năng là thể, thể thì thuộc về lực thứ nhất, vì xếp phi xứ thuộc về trí rộng; cảnh giới thì thuộc về lực thứ hai.

Lực thứ hai biết nghiệp phiền não.

Vô úy thứ ba nói được chướng đạo, biết nghiệp phiền não là pháp chướng đạo của lực thứ hai ấy, nghĩa giống nhau nên thuộc về lực này, cho nên nói vô úy thứ ba giống như lực thứ hai.

Vô Úy thứ tư có cảnh có thể, hay nói tận đạo là cảnh, chiếu soi tự mình có khả năng ấy là thể. Thể này cũng thuộc về thể của lực thứ nhất vì trong lực ấy thuộc trí rộng, cảnh giới của nó thì thuộc về lực thứ bảy, vì lực ấy biết xứ đạo, vô úy thứ tư cũng biết đạo, nghĩa của chúng về đại thể là đồng nên thuộc về lực thứ bảy.

Luận Tỳ-đàm nói như thế, nếu theo Luận Thành Thật thì Vô Úy thứ nhất tức là chín lực ở trên, vì chín lực ấy đều là trí Nhất thiết. Vô Úy thứ hai tức là lực thứ mười, nghĩa như trên giải thích. Hai vô úy còn lại Luận không đề cập, nếu muốn nói thì cũng giống như Luận Tỳ-đàm.

Tướng đồng như thế, nói về tướng khác thì như Luận Tỳ-đàm và Luận Thành Thật nói, trí thể là lực, trí quang chiếu khắp gọi là vô úy. Duyên đã đủ, trí và dứt cùng hai năng nên gọi là chiếu khắp. Lại luận nói, an trụ là lực, mạnh mẽ không khiếm sợ gọi là vô úy, vì mười lực vững chắc không thể hoại nên gọi là an trụ, vì an trụ nên gọi là Lực.

Đối với chướng nạn ngoài mạnh mẽ không khiếp sợ gọi là vô úy, trước nói trí quang chiếu khắp gọi là vô úy, tức trí tuệ là thể của vô úy, nay nói không khiếp sợ gọi là vô úy, tức là tâm an ổn không khiếp sợ này là thể của vô úy.

Luận lại nói nhân gọi là lực, quả gọi là vô úy, vì do từ tâm lực sinh vô úy. Ước theo thập lực nói đồng dị như thế.

7. *Chỗ trình bày của đại tiểu khác nhau:*

Chỗ khác nhau có năm:

- Tâm thể khác nhau: Tiểu thừa nói Như Lai vô úy sự thức là thể, Đại thừa nói Như Lai vô úy chân tâm là thể vì đến Phật không còn tâm thức.

- Tâm duyên khác nhau: Tiểu thừa nói tâm sự thức là vô úy, vì phan duyên phân biệt, duyên nạn bên ngoài mà sinh vô úy. Đại thừa nói tâm chân thức là vô úy, vì tâm như hư không, chẳng phân biệt, đức không phân biệt do nạn mà hiển bày, nên đối với bốn thứ nạn từ của ngoại đạo mà được hiển bày, như nhờ thuốc tặc để nói lên hư không cao thấp.

- Trí hạnh khác nhau: Tiểu thừa nói mười trí vô úy của Như Lai là thể, mười trí như giải thích ở trên.

Trong vô úy đầu chỗ chiếu soi của trí Nhất thiết, có tánh của mười trí, tuệ năng chiếu chỉ đồng đẳng trí tánh vì duyên chung.

Trong vô úy thứ hai, chỗ tận của sở chiếu là pháp vô vi không thuộc mười trí, tuệ năng chiếu chỉ có lực thứ sáu tương ứng sáu trí tánh là Diệt trí, Pháp trí, Tỷ trí, Tận trí, trí Vô sinh và Đẳng trí. Nay vì đáp vấn hỏi phần nhiều đồng đẳng trí tánh.

Trong vô úy thứ ba, nói được chướng đạo chỉ tương ứng tám trí tánh của lực thứ hai trừ Diệt Đạo trí, nay y cứ chỗ khởi nói phần nhiều đồng đẳng trí tánh, tuệ năng chiếu chỉ đồng đẳng trí tánh.

Trong vô úy thứ tư, nói được chướng đạo chỉ lực thứ bảy tương ứng mười trí tánh, nay y cứ chỗ khởi nói phần nhiều đồng đẳng trí tánh, tuệ năng chiếu cũng đẳng trí tánh.

Tiểu thừa như thế, Đại thừa nói đức vô úy của Phật là trí như thật, như Ngài Long Thọ nói đó là trí Thanh tịnh, trí Nhất thiết, trí Vô ngại. Trí Như thật như đã nói nghĩa ở trên.

Trí Nhất thiết trong Vô úy đầu dùng ba trí là Thanh Tịnh, Nhất thiết và Vô ngại làm thể; tuệ năng chiếu thuộc về Trí Nhất thiết, trí Vô ngại. Trong vô úy thứ hai, chỗ chiếu của lậu tận thuộc về ba trí; tuệ

năng chiếu thuộc về trí Nhất thiết, trí Vô ngại. Trong hai vô úy sau, nói được chướng đạo và nói đ tận khổ thuộc về trí Nhất thiết, trí Vô ngại; tuệ năng chiếu cũng thế.

- Chiếu cảnh khác nhau: Trong pháp Tiểu thừa, Vô úy của Phật chỉ chiếu tiền cảnh không chiếu tự thể vì tâm phân biệt không thể chiếu soi thể tự mình. Đại thừa thì không nói như thế, chiếu tiền cảnh cũng chiếu tự thể. Như Niết-bàn nói, con mắt của Bồ-tát còn có thể tự thấy hà hướng Phật trí mà không tự chiếu.

- Đắc xứ khác nhau: Trong pháp Tiểu thừa nói Vô úy của Phật chỉ được khi thành Phật dưới cội cây. Đại thừa không như thế, viên mãn tại quả Phật còn hàng Chứng Tánh trở lên tùy phần mà được. Nên Hoa Nghiêm nói, hàng Thập trụ mới phát tâm liền thành Chánh giác, đầy đủ tuệ thân đồng với chư Phật.

Vô úy như thế, các đức khác cũng vậy. Nghĩa của bốn vô úy nói lược như thế.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG QUYỂN 19